



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



Bản tin

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 3/2025



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 2/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	7
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 2/2025	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Lãi suất	13
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chỉ số giá vàng	15
1.2.5. Lạm phát	16
1.2.6. Chứng khoán	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	18
2.1. Về chủ trương, chính sách	18
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	20
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	22
1. Thị trường dầu thô	22
2. Thị trường khí	29
3. Thị trường phân bón	34
4. Thị trường điện	39
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	42
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 2 năm 2025</i>	43



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 2/2025

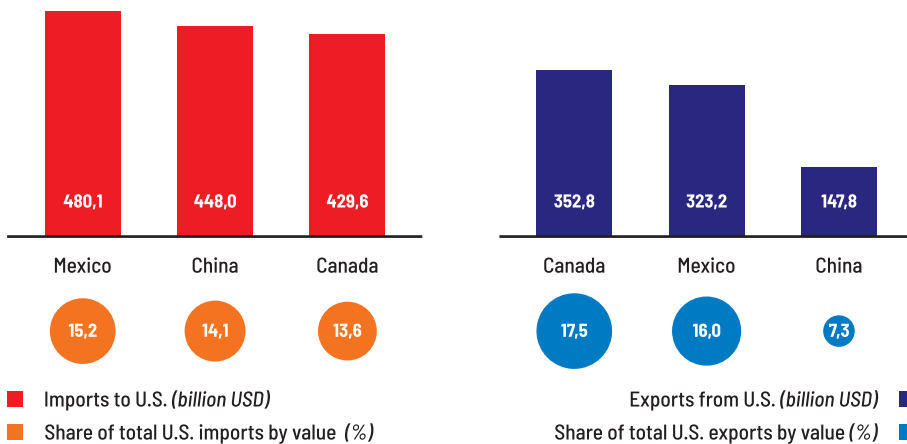
1.1. Tổng quan chung

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu tháng 02/2025 đạt 50,6 điểm, tăng 0,5 điểm so với tháng 01/2025 (50,1 điểm)*, cho thấy lĩnh vực sản xuất toàn cầu tiếp tục mở rộng. Điều kiện hoạt động được cải thiện trong tháng thứ hai liên tiếp, khi tốc độ tăng trưởng sản lượng và đơn đặt hàng mới tăng mạnh. Áp lực giá tiếp tục tăng do cả chi phí đầu vào và giá bán đều tăng với tốc độ nhanh hơn.

Trong tháng 2/2025, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều bất ổn khi căng thẳng thương mại leo thang do các chính sách thuế quan cứng rắn từ chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump. Đặc biệt, việc áp thuế 25% đối với hàng hóa Canada và Mexico, cùng mức thuế bổ sung 10% với hàng Trung Quốc có hiệu lực từ ngày 4/3 đã làm gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu, kéo theo làn sóng trả đũa từ các đối tác thương mại lớn, đặc biệt là Trung Quốc, khiến nguy cơ bùng phát một cuộc chiến thương mại toàn diện ngày càng hiện hữu.

CÁC ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI LỚN CỦA MỸ 2023

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Digitalphablet

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

Trong bối cảnh đó, giá vàng thế giới đã liên tiếp lập kỷ lục mới, chạm mốc 2.947,48 USD/ounce vào cuối tháng 2, phản ánh tâm lý bất an của giới đầu tư khi lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế và những hệ lụy khó lường từ chính sách thuế quan của Mỹ.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ THÁNG 2/2024 ĐẾN THÁNG 2/2025

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Đặc biệt, một sự kiện đáng chú ý trong tháng qua là cuộc gặp giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky tại Nhà Trắng nhằm thảo luận về xung đột Nga - Ukraine và hợp tác khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, cuộc gặp này không đạt được thỏa thuận nào khi hai bên liên tiếp chỉ trích nhau do bất đồng quan điểm, khiến căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu tiếp tục leo thang, đe dọa nghiêm trọng tới sự ổn định của chuỗi cung ứng năng lượng và làm gia tăng áp lực lên nền kinh tế toàn cầu.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

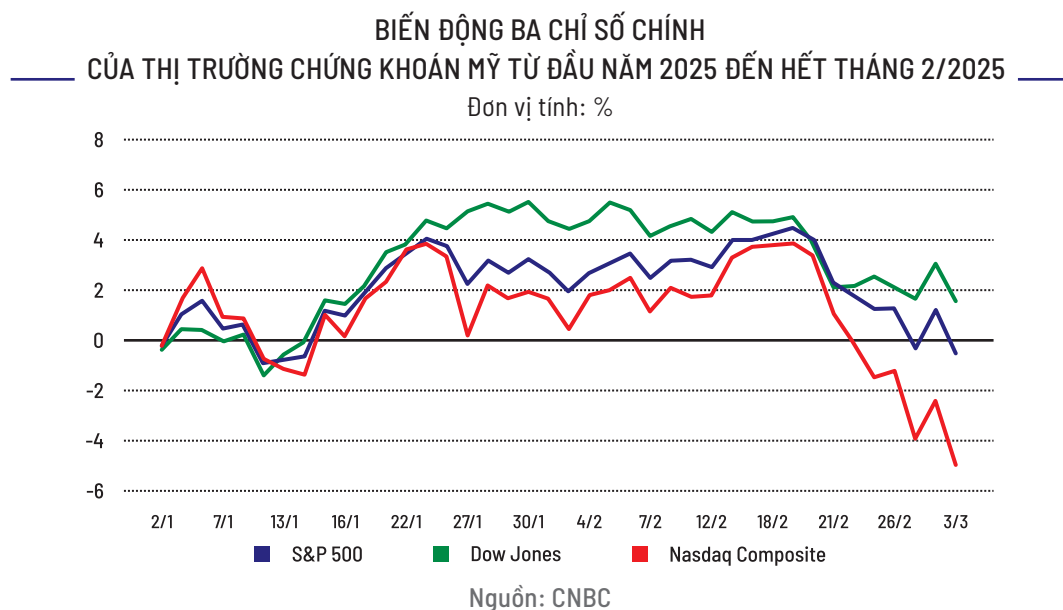
▪ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 02/2025 đạt 52,7 tăng 1,5 điểm so với tháng 1/2025 (51,2 điểm), cho thấy ngành sản xuất vẫn duy trì được sự mở rộng bất chấp áp lực gia tăng từ chi phí nguyên liệu và gián đoạn chuỗi cung ứng. Có một số dấu hiệu cho thấy sự mở rộng của ngành một phần được thúc đẩy bởi các giao dịch mua trước để tránh khả năng tăng giá và khả năng gián đoạn nguồn cung liên quan đến việc áp thuế quan tiếp theo trong những tháng tới. Cũng có bằng chứng cho thấy một số nhà cung cấp đã điều chỉnh giá của họ tăng lên để phản ứng trực tiếp với thuế quan. Lạm phát chi phí đầu vào tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11/2022. Chi phí đầu ra cũng tăng mạnh hơn, với mức tăng cao nhất trong vòng hai năm.

Ngoài ra, chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ trong tháng qua cũng giảm mạnh xuống 98,3 điểm, mức thấp nhất kể từ năm 2022 đến nay, cho thấy tâm lý thận trọng của người dân trước triển vọng kinh tế bấp bênh, sức ép từ chi phí sinh hoạt gia tăng, đặc biệt là giá trứng và nhiều mặt hàng thiết yếu đã leo lên mức kỷ lục.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

Trên thị trường tài chính, cả ba chỉ số chứng khoán chính đều đồng loạt giảm mạnh, do tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư sau loạt tuyên bố của Tổng thống Donald Trump về việc chính thức áp thuế mới đối với hàng hóa nhập khẩu. Chỉ số Nasdaq Composite ghi nhận tháng tệ nhất trong vòng 10 tháng, giảm tới 4%, trong khi chỉ số S&P 500 và chỉ số Dow Jones cũng mất hơn 1% giá trị.



Bên cạnh đó, kinh tế Mỹ vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như tình trạng thất nghiệp gia tăng, nợ công cao và chi phí vay vốn duy trì ở mức cao. Trong khi đó, áp lực lạm phát cũng chưa hạ nhiệt khi các biện pháp áp thuế mới tiếp tục đẩy giá cả leo thang, ảnh hưởng trực tiếp tới sức mua và hoạt động sản xuất.

Trước hàng loạt thách thức này, ngày 12/2, tổ chức The Conference Board đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 xuống 2,3% và chỉ còn 1,8% vào năm 2026, phản ánh triển vọng kém lạc quan và nguy cơ suy thoái nếu các yếu tố bất ổn không sớm được kiểm soát.

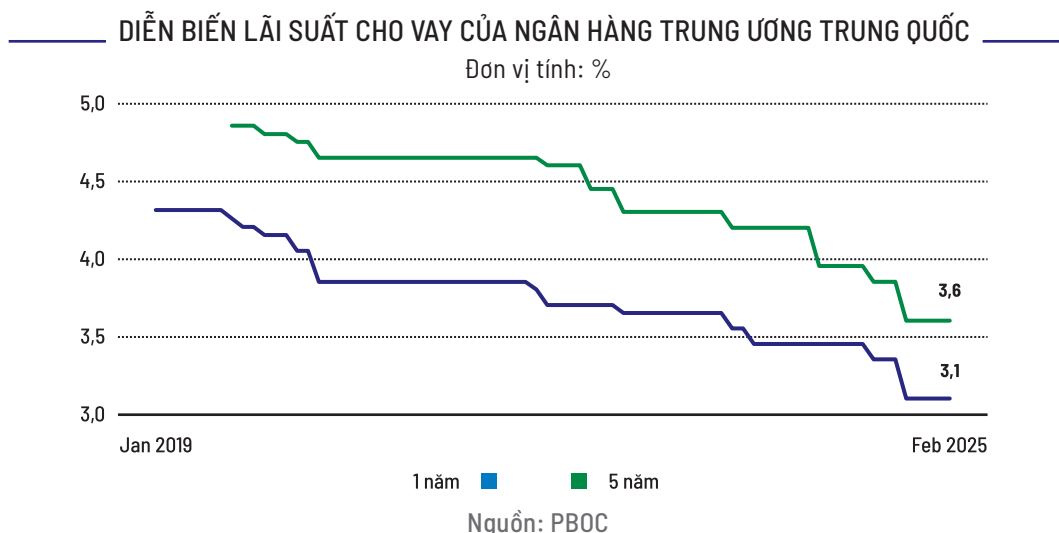
▪ Trung Quốc

PMI sản xuất tháng 02/2025 đạt 50,8 điểm, tăng 0,7 điểm so với tháng 1/2025 (50,1 điểm). Nền sản xuất của Trung Quốc mở rộng với tốc độ nhanh hơn vào tháng 2, được hỗ trợ bởi sự gia tăng đồng thời của cả sản lượng và đơn đặt hàng mới trong bối cảnh điều kiện thị trường được cải thiện

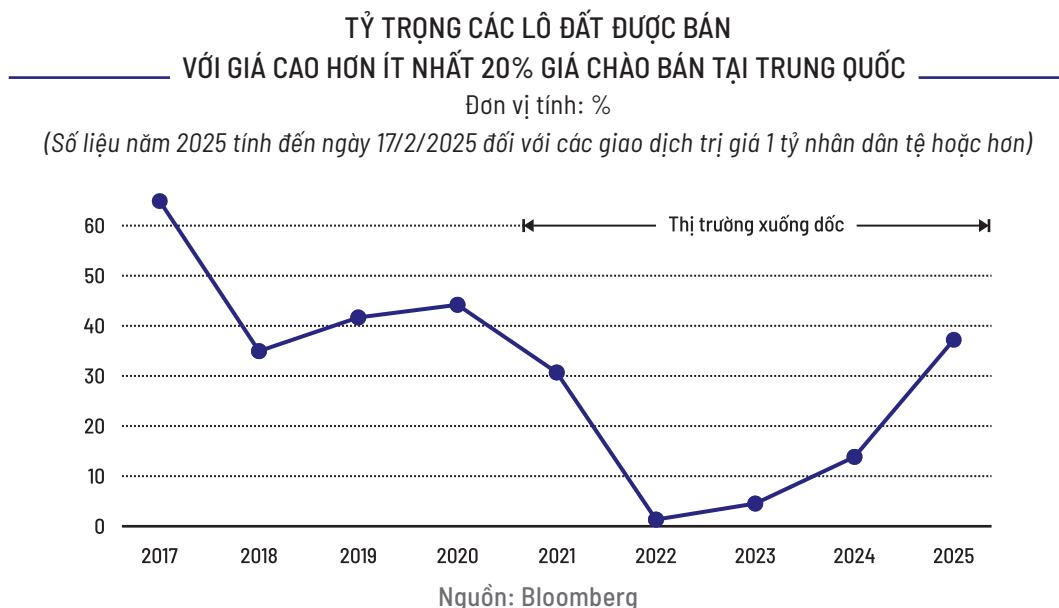
Trong tháng 2/2025, kinh tế Trung Quốc ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực, đặc biệt là sự cải thiện rõ nét trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Đà phục hồi này được thúc đẩy bởi loạt biện pháp kích thích mà chính phủ Trung Quốc đưa ra cuối năm 2024, đặc biệt là việc giảm mạnh lãi suất thế chấp và nới lỏng các quy định về giao dịch bất động sản.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

Mặc dù vậy, hệ thống tài chính Trung Quốc vẫn đối mặt với không ít áp lực khi Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) liên tục hút bớt thanh khoản thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm bảo vệ đồng nhân dân tệ, khiến thị trường tiền tệ trở nên căng thẳng. Trong bối cảnh đó, ngày 20/2, PBoC vẫn giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm ở mức 3,1% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,6% vào, đồng thời được dự báo sẽ tiếp tục cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc để hỗ trợ nền kinh tế.



Ở lĩnh vực bất động sản, dù doanh số và giá bán nhà vẫn suy giảm do niềm tin người tiêu dùng chưa phục hồi nhưng với các động thái dỡ bỏ kiểm soát giá của chính phủ đã tạo ra kỳ vọng về sự ổn định dần của thị trường địa ốc, tâm lý thị trường có dấu hiệu cải thiện khi một số doanh nghiệp nhà nước quay trở lại mua đất, với 37% các giao dịch ghi nhận mức giá cao hơn ít nhất 20% so với giá chào bán, cao hơn nhiều so với mức 14% của năm 2024 và 4,6% năm 2023.



Bên cạnh những dấu hiệu phục hồi, kinh tế Trung Quốc trong trung và dài hạn vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Căng thẳng thương mại với Mỹ chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khi Tổng thống Donald Trump tiếp tục duy trì các biện pháp thuế quan mạnh tay đối với hàng hóa Trung Quốc, gây áp lực trực tiếp lên hoạt động xuất khẩu, một trong những động lực tăng trưởng chủ chốt của nền kinh tế. Ngoài ra, tình trạng dân số già hóa nhanh chóng, kết hợp với tỷ lệ sinh thấp kéo dài, đang thu hẹp quy mô lực lượng lao động, đồng thời làm gia tăng áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và ngân sách công.

Về triển vọng tăng trưởng, Chính phủ Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 ở mức khoảng 5%, tương đương với mục tiêu của năm 2024, thể hiện quyết tâm duy trì đà phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, Ngân hàng ABN AMRO lại đưa ra dự báo thận trọng hơn khi dự báo kinh tế Trung Quốc chỉ đạt mức tăng trưởng 4,3% trong năm 2025 và tiếp tục giảm nhẹ xuống còn 4,2% vào năm 2026, do lo ngại nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tiếp tục vẫn phải chịu tác động kéo dài từ những khó khăn nội tại chưa được giải quyết triệt để cùng áp lực ngày càng lớn từ môi trường kinh tế và chính trị quốc tế.

▪ EU

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 02/2025 đạt 47,6 điểm, tăng 1,0 điểm so với tháng 1/2025 (đạt 46,6 điểm). Ngành sản xuất của khu vực đồng euro vẫn trong tình trạng suy thoái trong tháng 2, nhưng ở mức ít nghiêm trọng nhất kể từ đầu năm 2023. Trên thực tế, sản xuất của nhà máy đã gần ổn định, với mức giảm trong các đơn đặt hàng mới ở mức thấp nhất trong gần ba năm.

Kinh tế khu vực châu Âu (EU) trong tháng 2/2025 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực khi lạm phát giảm nhẹ và hoạt động sản xuất dần cải thiện. Trong đó lạm phát lõi, thước đo không bao gồm năng lượng, thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá, đạt mức 2,6%, thấp hơn mức 2,7% của tháng trước. Cùng với diễn biến tích cực của lạm phát, thị trường chứng khoán châu Âu trong tháng qua cũng khởi sắc, liên tiếp ghi nhận các phiên tăng điểm và chạm mức cao kỷ lục nhờ kỳ vọng vào tiến trình hòa bình tại Ukraine cũng như các tín hiệu tích cực từ kinh tế vĩ mô khu vực.

Bên cạnh những dấu hiệu khả quan, kinh tế châu Âu vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là chi phí năng lượng vẫn duy trì ở mức cao do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông kéo dài. Giá khí đốt neo cao không chỉ gây áp lực lớn lên các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, buộc nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa nhà máy, mà còn làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu năng lượng tại các hộ gia đình, đẩy chi phí sinh hoạt tăng cao và làm gia tăng bất ổn xã hội.

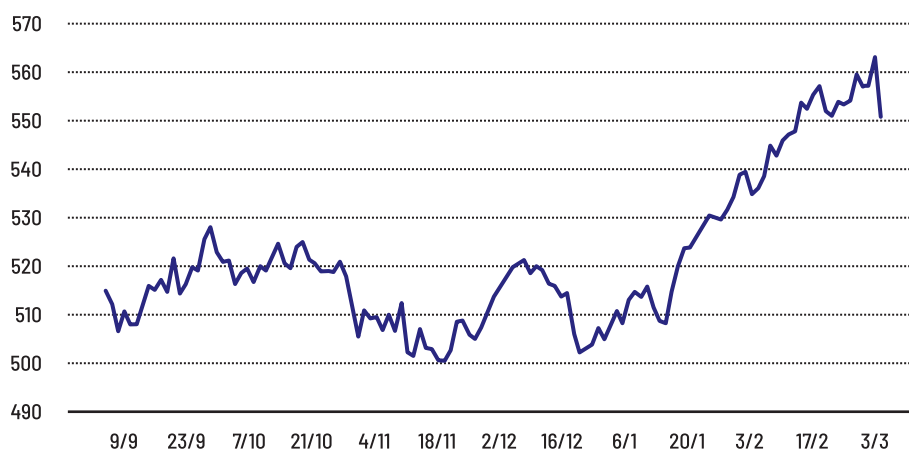
Ngoài ra, Châu Âu cũng đang đối mặt với cuộc khủng hoảng nhà ở kéo dài, đặc biệt tại các quốc gia như Pháp, Hy Lạp và Bồ Đào Nha. Trước thực trạng này, Tây Ban Nha đã tiên phong đề xuất đánh thuế 100% đối với người mua bất động sản ngoài EU, tạo tiền lệ để nhiều nước cân nhắc áp dụng chính sách tương tự nhằm hạ nhiệt giá nhà và hỗ trợ người dân tiếp cận nhà ở dễ dàng hơn. Đặc biệt, trong

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

dài hạn, kinh tế khu vực EU còn phải chịu thêm áp lực từ chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump, bao gồm khả năng áp thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ EU.

Về dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực châu Âu trong thời gian tới, ngày 12/2, tổ chức The Conference Board dự báo kinh tế châu Âu được kỳ vọng tăng trưởng 1,1% trong năm 2025 và có thể đạt 1,7% vào năm 2026. Tuy nhiên, theo The Conference Board triển vọng này vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do tác động của các biến động địa chính trị, chính sách bảo hộ thương mại toàn cầu và những bất ổn nội tại về xã hội và tài chính trong khu vực.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN
STOXX 600 TOÀN CHÂU ÂU TRONG 6 THÁNG QUA



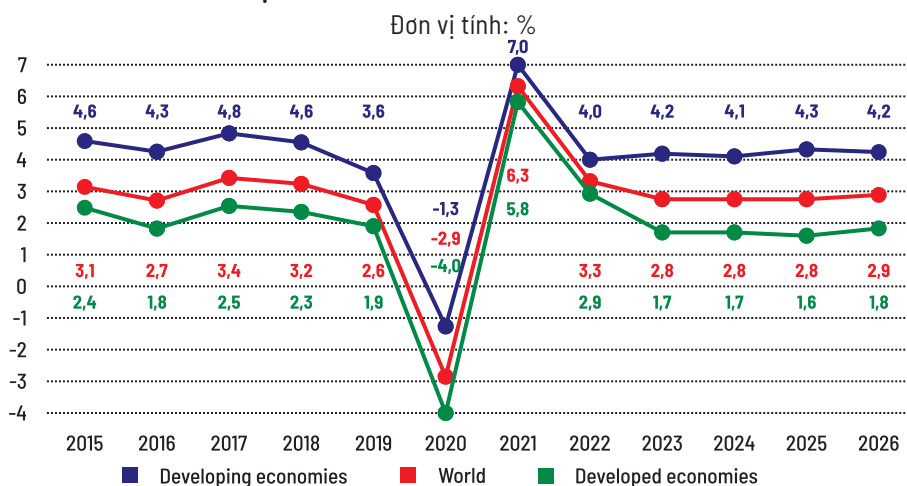
Nguồn: ISS STOXX

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Liên hiệp quốc đưa ra nhận định rằng Triển vọng toàn cầu ảm đạm trong bối cảnh bất ổn dai dẳng. Nền kinh tế thế giới đã cho thấy khả năng phục hồi đáng kể, với mức tăng trưởng toàn cầu dự kiến là 2,8% vào năm 2025 (tương đương năm 2024) và 2,9% vào năm 2026. Sự ổn định này được củng cố bởi tình trạng giảm phát và nới lỏng tiền tệ ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, các cuộc xung đột đang diễn ra, căng thẳng địa chính trị và các hạn chế thương mại tiềm ẩn, cũng như rủi ro về khí hậu đặt ra những thách thức đáng kể trong tương lai.

Nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm hơn so với mức trung bình trước đại dịch là 3,2% được ghi nhận trong giai đoạn 2010-2019, phản ánh những thách thức về mặt cấu trúc như đầu tư yếu, tăng trưởng năng suất chậm, mức nợ cao và áp lực nhân khẩu học. Trong khi quá trình chuyển đổi xanh và tiến bộ công nghệ có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng, lợi ích sẽ không được phân bổ đều giữa các quốc gia. Nhiều nước đang phát triển tiếp tục vật lộn với việc huy động tài chính cho các khoản đầu tư quan trọng vào cơ sở hạ tầng, công nghệ và nguồn nhân lực.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP (2015-2025)



Nguồn: World Economic Situation and Prospects 2025

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang chịu nhiều tác động từ các yếu tố biến động, trong tháng 2/2025, một số tổ chức quốc tế tiếp tục điều chỉnh dự báo tăng trưởng cho giai đoạn 2025-2026, cho thấy triển vọng phục hồi kinh tế còn nhiều thách thức. Đồng thời, trong thời gian tới, nếu Mỹ tiếp tục tăng cường mở rộng các chính sách thuế quan sẽ không chỉ tạo ra những cú sốc đối với thương mại quốc tế mà còn đẩy chi phí sản xuất lên cao, gây xáo trộn chuỗi cung ứng và khiến nhu cầu năng lượng toàn cầu đứng trước nguy cơ suy giảm, từ đó tác động tiêu cực tới triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.

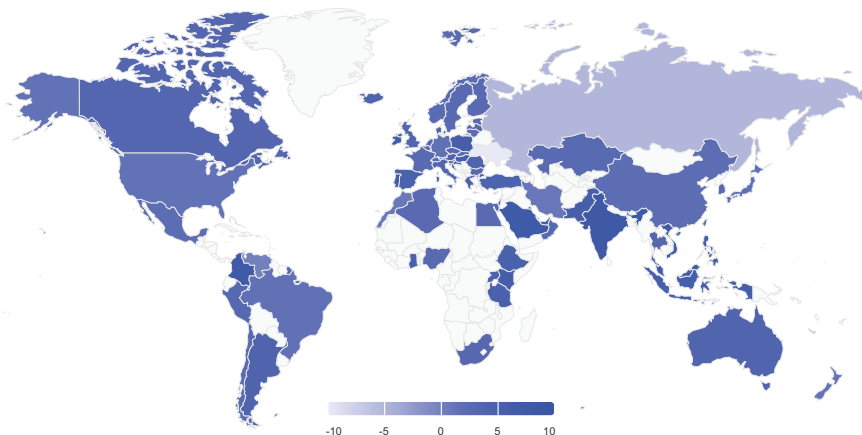
Ngày 12/2, tổ chức *The Conference Board* dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 được điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm, xuống còn 3% so với cùng kỳ năm trước và giữ nguyên mức 3% cho năm 2026. Trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu giai đoạn 2027-2031 được *The Conference Board* dự báo đạt 2,5% và giảm nhẹ xuống còn 2,4% trong giai đoạn 2032-2036. Điều này phản ánh bức tranh kinh

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

tế toàn cầu dù duy trì được sự ổn định nhất định nhưng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại trong những năm tới, trước áp lực từ các thách thức địa chính trị, làn sóng chuyển đổi công nghệ và tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: The Conference Board

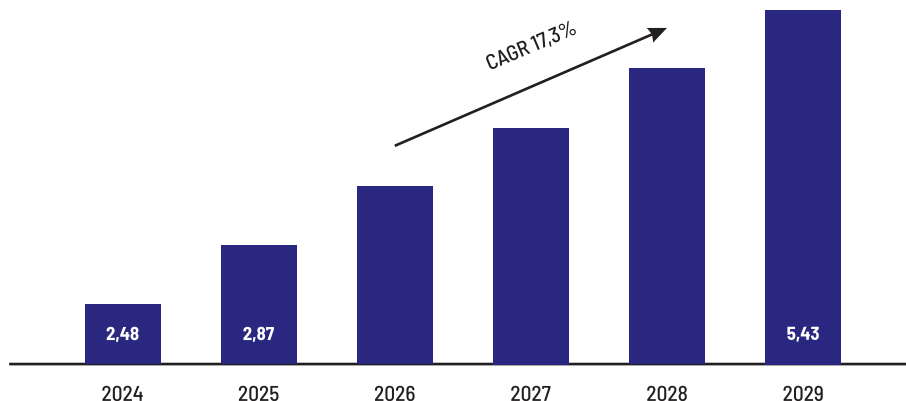
Cùng ngày, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* duy trì nhận định lạc quan hơn, khi dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 3,1% trong năm 2025 và 3,2% vào năm 2026.

Cùng với đó, trước tình hình cạnh tranh về công nghệ và thương mại ngày càng gay gắt trên toàn cầu, việc ông Donald Trump công bố danh sách 5 đồng tiền ảo thuộc kho dự trữ chiến lược tiền ảo quốc gia, cho thấy sự dịch chuyển mạnh mẽ sang nền kinh tế số và các công cụ tài chính mới, một xu hướng sẽ tác động sâu rộng tới cục diện kinh tế toàn cầu trong thời gian tới.

Quy mô thị trường tiền điện tử đã tăng trưởng nhanh chóng trong những năm gần đây. Mức tăng sẽ từ 2,48 tỷ đô la vào năm 2024 lên 2,87 tỷ đô la vào năm 2025 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 15,6%.

DỰ BÁO QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TIỀN ĐIỆN TỬ NĂM 2025

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: The Business Research Company



PHẦN II

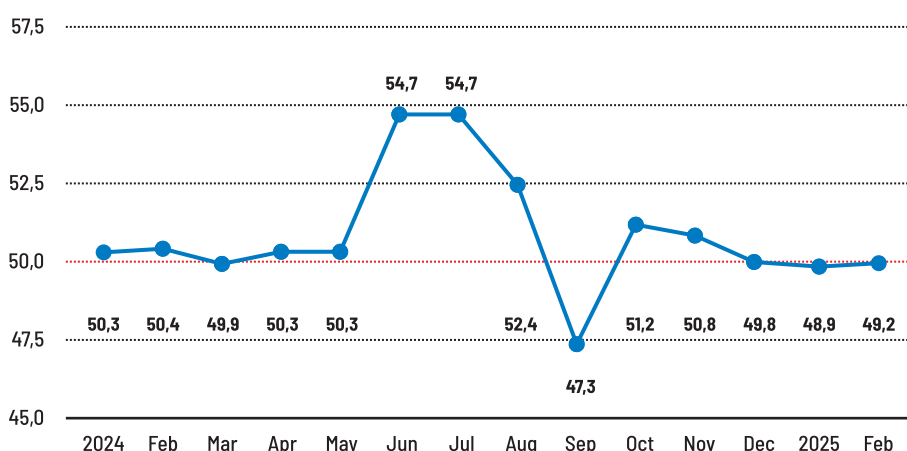
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 2/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 49,2 điểm trong tháng 02/2025, tăng 0,3 điểm so với 48,9 điểm của tháng 1/2025 và vẫn dưới ngưỡng 50 điểm. Kết quả này phản ánh sự suy giảm nhẹ của các điều kiện kinh doanh trong tháng. Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm trong tháng 2/2025 do nhu cầu yếu ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 2/2025



Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 2/2025 ước tính giảm 2,2% so với tháng trước; tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 2 tháng đầu năm 2025, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 2/2025, chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo tăng 20,0% so với cùng kỳ trước; sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,9%; riêng ngành khai khoáng tăng 0,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 58 địa phương và giảm ở 5 địa phương trên cả nước.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 2/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 63,77 tỷ USD, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 127,07 tỷ USD, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 8,4%; nhập khẩu tăng 15,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 1,47 tỷ USD.

▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 2/2025 đạt 31,11 tỷ USD, giảm 6,2% so với tháng trước và tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 64,27 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 17,92 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 46,35 tỷ USD, tăng 6,7%, chiếm 72,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 57,01 tỷ USD, chiếm 88,7%.

▪ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 2/2025 đạt 32,66 tỷ USD, tăng 8,4% so với tháng trước và tăng 40,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 62,8 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 22,8 tỷ USD, tăng 18,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 40,0 tỷ USD, tăng 14,4%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu hai tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 58,83 tỷ USD, chiếm 93,7%.

Cán cân thương mại hàng hóa 2 tháng đầu năm 2025 xuất siêu 1,47 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,13 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,87 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 6,34 tỷ USD.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng 2/2025, cả nước có hơn 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 4,9% so với tháng trước và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước; có gần 7,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 69,1% và tăng 32,1%; có 3.554 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 93,3% và giảm 30,9%; có 2.971 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 14,9% và tăng 38,0%; có 1.737 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 14,1% và tăng 44,4%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, cả nước có hơn 49,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 1 tháng có hơn 24,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là hơn 67,0 nghìn doanh nghiệp, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 1 tháng có hơn 33,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 2/2025 ước đạt 37,9 nghìn tỷ đồng, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 73,2 nghìn tỷ đồng, bằng 8,5% kế hoạch năm và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 7,7% và tăng 2,6%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6,90 tỷ USD, tăng 35,5% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 2 tháng đầu năm 2025 ước đạt 2,95 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 2 tháng đầu năm 2025 có 30 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 233,6 triệu USD, gấp 9,4 lần so với cùng kỳ năm trước; có 05 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 5,4 triệu USD, gấp 24,3 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 239 triệu USD, gấp 9,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 28/2 là 60.423,8 tỷ đồng, đạt 6,9% kế hoạch, đạt 7,32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ (tháng 2/2024 đạt 7,7% kế hoạch và đạt 8,07% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Để đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trên 95% kế hoạch, Bộ Tài chính kiến nghị 4 giải pháp.

Hầu hết các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa giải ngân hoặc giải ngân thấp. Cụ thể, về tình hình phân bổ vốn, tổng số vốn đã phân bổ là 798.251,2 tỷ đồng, đạt 96,65% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao (825.922,3 tỷ đồng). Bao gồm ngân sách trung ương là 313.575,7 tỷ đồng (vốn trong nước là 291.323,9 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 22.251,9 tỷ đồng), ngân sách địa phương là 484.675,5 tỷ đồng.

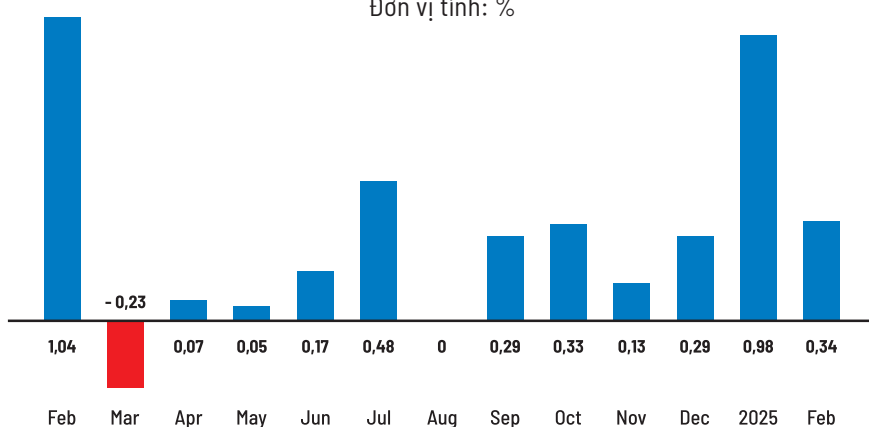
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2/2025 tăng 0,34% so với tháng trước do giá thịt lợn tăng do thiếu hụt nguồn cung, giá ăn uống ngoài gia đình, giá nhà ở thuê và giá dịch vụ giao thông tăng theo nhu cầu tiêu dùng.

CPI tháng 2/2025 tăng 1,32% so với tháng 12/2024 và tăng 2,91% so với cùng kỳ năm 2024. Bình quân 2 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,97%.

TỐC ĐỘ TĂNG CPI BÌNH QUÂN THÁNG SAU SO VỚI THÁNG TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về định hướng công tác điều hành giá năm 2025, theo Thông báo số 65/TB-VP-CP ngày 26/2/2025, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương chủ động trong công tác dự báo, tính toán và xây dựng, cập nhật kịch bản điều hành giá đối với các mặt hàng thiết yếu theo lộ trình thị trường. Mục tiêu nhằm đảm bảo kiểm soát lạm phát theo đúng định hướng đã đề ra, phấn đấu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 ở mức khoảng 4,15%.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 18/2/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng đạt 15,62 triệu tỷ đồng, tăng nhẹ 0,02% so với cuối năm 2024 và tăng mạnh 16,35% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy tín dụng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Năm 2025, ngành ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức 16%, tương đương khoảng 2,5 triệu tỷ đồng sẽ được đưa vào nền kinh tế, trong đó có các gói tín dụng trọng điểm như gói 100.000 tỷ đồng dành cho thủy sản và gói 120.000 tỷ đồng hỗ trợ nhà ở.

Tại Hà Nội, ước tính đến cuối tháng 2/2025, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn đạt 4.560 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 1,21% so với cuối năm 2024. Cơ cấu tín dụng tại Hà Nội phân bổ vào nhiều lĩnh vực, trong đó cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp chiếm 12,44%, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 19,2%, cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 8,9%, cho vay xuất khẩu chiếm 5,13%, công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,31%, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,35% và cho vay chính sách xã hội chiếm 0,38%.

Tại TP. Hồ Chí Minh, ngành ngân hàng đang tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp như: chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiết giảm chi phí đầu vào, cung cấp tín dụng với lãi suất hợp lý, đơn giản hóa thủ tục vay vốn và đẩy mạnh giải ngân hiệu quả. Đặc biệt, chương trình kết nối ngân hàng - doanh

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

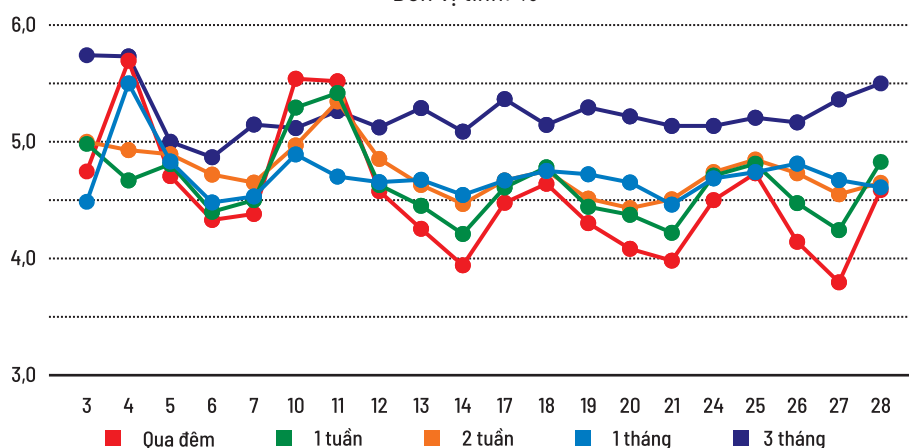
nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh năm nay thu hút số tiền đăng ký lên tới 517.065 tỷ đồng, cao hơn so với mức 510.000 tỷ đồng của năm 2024, thể hiện nỗ lực của ngành ngân hàng trong việc cải thiện khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế địa phương.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 2/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng có nhiều biến động ở các kỳ hạn. Đầu tháng, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm, 1 tuần dao động quanh mức 4,5-5,5%. Giữa tháng, lãi suất qua đêm giảm sâu xuống dưới 4,5% trước khi phục hồi trở lại vào cuối tháng. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng và 3 tháng duy trì xu hướng ổn định quanh mức 5%, phản ánh thanh khoản thị trường tương đối cân bằng.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 2/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến tháng 2/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 2/2025

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

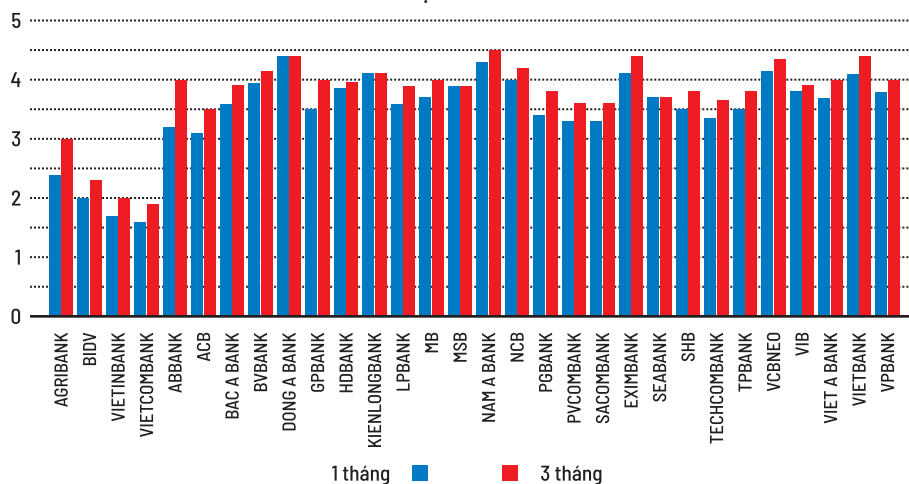
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 2/2025, đã có 10 ngân hàng giảm lãi suất và 2 ngân hàng tăng lãi suất huy động gồm: TPBank (giảm lãi suất tiền gửi các kỳ hạn 1 - 2 - 3 và 12 tháng), Techcombank (tăng lãi suất kỳ hạn 6-36 tháng), Bac A Bank (hai lần giảm lãi suất 1-36 tháng) và Eximbank (tăng lãi suất 1-12 tháng, giảm lãi suất 15-36 tháng, giảm lãi suất 15 - 36 tháng, và giảm kỳ hạn 6 - 36 tháng), Viet A Bank (tăng lãi suất kỳ hạn 12 - 36 tháng), Vikki Bank (tăng kỳ hạn 1 - 8 tháng và 12 tháng, giảm lãi suất kỳ hạn 13 - 36 tháng); VietBank (tăng lãi suất kỳ hạn 1 - 5 tháng và 7 - 9 tháng, giảm lãi suất kỳ hạn 1 - 5 tháng); BaoViet Bank (tăng lãi suất kỳ hạn 1 tháng); MSB (giảm lãi suất kỳ hạn 1 - 5 tháng và 12 - 36 tháng); KienlongBank (giảm lãi suất 1 - 36 tháng); BVBank (giảm lãi suất 6 tháng trở lên); VIB (giảm lãi suất 1 - 36 tháng); Saigonbank (giảm 0,2%/năm 12 - 36 tháng).

Ngày 25/2, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành công văn số 1328/NHNN-CSTT yêu cầu các tổ chức tín dụng và NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm các biện pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất huy động, đồng thời phấn đấu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường trong tháng qua được duy trì ở mức hợp lý, với kỳ hạn từ 1-12 tháng dao động phổ biến trong khoảng 2-5,8%/năm, trong khi kỳ hạn dài từ 18-36 tháng ghi nhận quanh mức 6%/năm. Một số ngân hàng thương mại vẫn áp dụng mức lãi suất cao từ 7-8,8%/năm nhưng chỉ dành cho các khoản tiền gửi lớn từ 200-500 tỷ đồng, nhằm cân đối thanh khoản và thu hút dòng vốn lớn.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG
KỶ HẠN 1 THÁNG VÀ 3 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THÁNG 2/2025

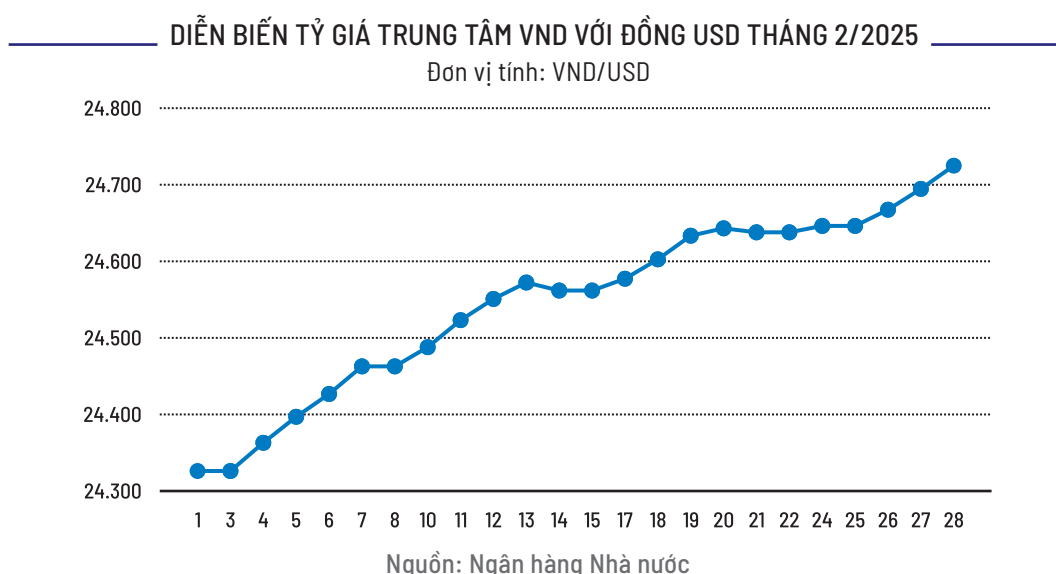
Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ

1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 2/2025, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam có xu hướng tăng rõ rệt trên cả thị trường chính thức và thị trường tự do. Trên thị trường chính thức, tỷ giá trung tâm ghi nhận đà tăng liên tục. Áp lực tăng tỷ giá xuất phát từ nhu cầu ngoại tệ cao sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, khi các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, đồng USD mạnh lên trên thị trường quốc tế sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump triển khai các chính sách tăng thuế quan với một số quốc gia và siết chặt chính sách nhập cư, làm đẩy lên lo ngại lạm phát và trì hoãn việc cắt giảm lãi suất của Fed.



Trên thị trường tự do, giá USD dao động quanh mức 25.548 VND/USD, phản ánh tác động của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 2/2025 giảm nhẹ 0,06% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,15% so với tháng 12/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm, chỉ số giá USD tăng 3,75%, cho thấy áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu trong bối cảnh thị trường toàn cầu nhiều biến động.

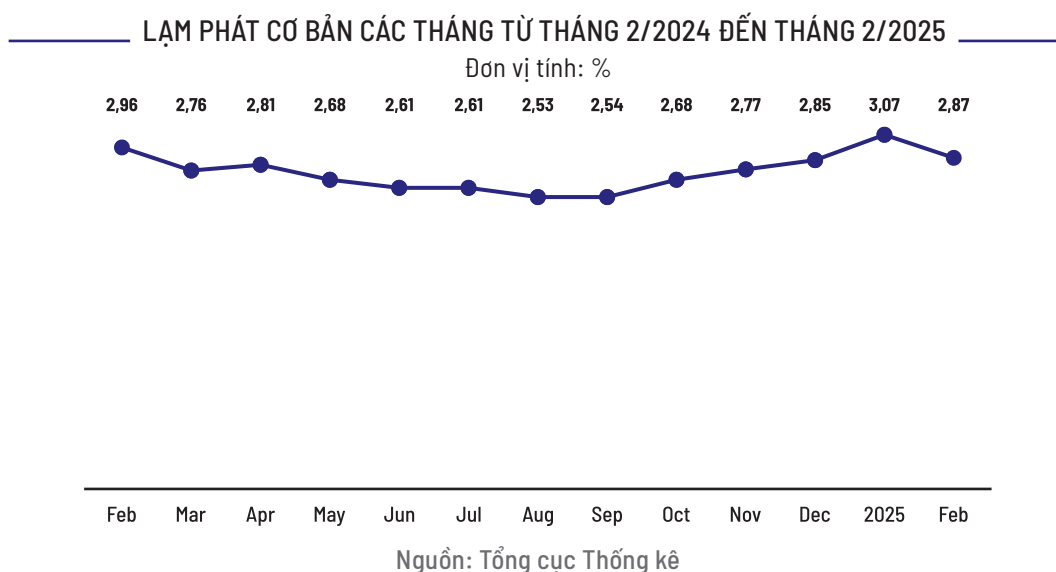
1.2.4. Chỉ số giá vàng

Trên thế giới, giá vàng đã liên tiếp lập kỷ lục mới, chạm mốc 2.947,48 USD/ounce vào cuối tháng 2, phản ánh tâm lý bất an của giới đầu tư khi lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế và những hệ lụy khó lường từ chính sách thuế quan của Mỹ.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 02/2025 tăng 4,72% so với tháng trước; tăng 32,57% so với cùng kỳ năm trước; tăng 5,8% so với tháng 12/2024; *trung bình 02 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 30,84%*.

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 2/2025 tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 2,87% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 2,97% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,27%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.



1.2.6. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025 có nhiều tín hiệu khởi sắc, khi VN-Index duy trì vững vàng trên mốc 1.300 điểm, đánh dấu chuỗi 6 tuần tăng điểm liên tiếp. Tính chung cả tháng, VN-Index ghi nhận mức tăng hơn 40 điểm, tương đương 3,19%, nằm trong top 10 tháng 2 tăng mạnh nhất trong lịch sử thị trường.

Dòng vốn ngoại tiếp tục rút ròng nhưng không gây áp lực quá lớn, nhờ dòng tiền trong nước đóng vai trò chủ lực, luân chuyển linh hoạt giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt là nhóm bank - chứng khoán - thép. Trong đó, nhóm thép ghi nhận mức tăng ấn tượng nhờ thông tin áp thuế chống bán phá giá, thu hút dòng tiền đầu cơ mạnh mẽ.

Xét trong tương quan khu vực, VN-Index tăng 3,05% sau 2 tháng đầu năm, thuộc nhóm chỉ số tăng tốt nhất châu Á, vượt qua nhiều thị trường lớn như Indonesia, Thái Lan hay Malaysia, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư trong nước vẫn được duy trì tích cực. Tuy nhiên, áp lực chốt lời gia tăng sau nhịp tăng mạnh, kết hợp với những rủi ro bên ngoài như biến động tỷ giá, xung đột thương mại và căng thẳng địa chính trị toàn cầu vẫn là những yếu tố tiềm ẩn có thể tác động đến xu hướng thị trường trong các tháng tới.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

Trái ngược với sự khởi sắc của thị trường cơ sở, thị trường chứng khoán phải sinh ghi nhận sự sụt giảm nhẹ về thanh khoản, với khối lượng giao dịch bình quân hợp đồng tương lai VN30 giảm 9,06% so với tháng trước, xuống còn 166.840 hợp đồng/phiên, giá trị giao dịch danh nghĩa giảm 7,34%, đạt 22.400 tỷ đồng/phiên.

Trong ngắn hạn, thị trường đang đứng trước hai kịch bản chính:

- **Kịch bản tích cực** sẽ xảy ra nếu dòng tiền nội duy trì ở mức cao (trên 20.000 tỷ đồng/phiên) và VN-Index vượt được ngưỡng kháng cự gần nhất tại 1.310 điểm. Khi đó, chỉ số có thể mở rộng đà tăng, hướng tới vùng 1.320-1.340 điểm.
- **Kịch bản cơ sở**, VN-Index nhiều khả năng sẽ dao động tích lũy trong vùng 1.300-1.310 điểm để củng cố nền giá mới. Nếu lực cầu không đủ mạnh để vượt 1.310 điểm, chỉ số có thể quay lại kiểm định vùng hỗ trợ 1.290-1.300 điểm trước khi xác lập xu hướng tiếp theo.

Nhìn chung, triển vọng trung hạn của thị trường vẫn khả quan nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách tiền tệ linh hoạt và kỳ vọng vào kết quả kinh doanh tích cực trong quý I/2025 của các doanh nghiệp niêm yết.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Quốc hội thông qua Nghị quyết về cơ chế đặc biệt đầu tư Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận*

Ngày 19/2, Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm đầu tư xây dựng Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận.

Với tổng vốn đầu tư 16 tỷ USD (tương đương 400.000 tỷ đồng), đây là dự án năng lượng lớn nhất từ trước đến nay tại Việt Nam, được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững.

Nhằm đảm bảo tính khả thi tài chính, Quốc hội đã phê duyệt hàng loạt cơ chế đặc thù để hỗ trợ thu xếp vốn. Trong đó, 85% vốn đầu tư là vốn vay ODA, phần còn lại từ nguồn vốn trong nước và các khoản huy động khác.

Chủ đầu tư được phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình với sự bảo lãnh của Nhà nước, đồng thời tổng mức dư nợ vay không bị giới hạn theo Luật Quản lý nợ công, đảm bảo dự án có đủ nguồn tài chính trong suốt quá trình triển khai.

Đặc biệt, các ngân hàng thương mại trong nước có thể cấp tín dụng vượt giới hạn mà không bị áp dụng các quy định về tổng mức dư nợ cấp tín dụng.

Một điểm đáng chú ý là Chính phủ được phép tăng vốn điều lệ của chủ đầu tư từ nguồn đánh giá lại tài sản các nhà máy điện BOT và thủy điện đa mục tiêu, giúp tăng cường tiềm lực tài chính và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Nhằm rút ngắn thời gian triển khai, Quốc hội đã trao quyền cho Chính phủ thực hiện song song quá trình đàm phán với các đối tác quốc tế về hợp tác xây dựng và cấp tín dụng, trong khi vẫn tiến hành các bước phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Bên cạnh đó, cơ chế chỉ định thầu rút gọn cũng được áp dụng nhằm đẩy nhanh tiến độ dự án, đặc biệt là đối với hợp đồng chia khóa trao tay xây dựng nhà máy chính, trong đó nhà thầu quốc tế sẽ chịu trách nhiệm từ thiết kế, thi công, cung cấp nhiên liệu, bảo dưỡng đến vận hành trong 5 năm đầu.

- *Đề xuất thương nhân xăng dầu phải kết nối dữ liệu với Bộ Công Thương*

Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo thông tư quy định chi tiết một số điều của nghị định mới về kinh doanh xăng dầu. Theo dự thảo, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải kết nối dữ liệu kinh doanh xăng dầu, gồm dữ liệu về cơ sở vật chất, hệ thống phân phối, nhập - xuất - tồn kho với Bộ Công Thương, đảm bảo tương thích với chương trình điện tử do bộ quy định, baochinhpvu.vn đưa tin.

Dựa vào dữ liệu kinh doanh xăng dầu do thương nhân cung cấp, Vụ Thị trường trong nước chuyển hồ sơ kết nối dữ liệu xăng dầu của thương nhân tới Cục Thương

mại điện tử và Kinh tế số để đánh giá. Sau đó, cơ quan này thông báo kết quả xác nhận hoàn thành hoặc chưa hoàn thành kết nối.

Bên cạnh đó, dự thảo thông tư cũng quy định chi tiết về các hợp đồng đại lý, nhượng quyền thương mại và mua bán xăng dầu.

Cụ thể, hợp đồng phải được lập thành văn bản, gồm các thỏa thuận giữa hai bên và các nội dung chính như thông tin các bên liên quan, số lượng, chất lượng, loại xăng dầu, phương thức giao nhận, thù lao đại lý, phí nhượng quyền hoặc giá mua bán.

Dự thảo cũng quy định cách xác định và công bố giá xăng dầu thế giới, dựa trên giá thành phẩm từ các hãng tin uy tín. Bộ Công Thương công bố giá xăng không chì (100% hóa thạch) và nhiên liệu diesel phổ biến để áp dụng trong công thức giá bán.

Dự thảo đề xuất cho phép thương nhân đầu mối và thương nhân sản xuất xăng dầu được xuất khẩu xăng dầu, nguyên liệu theo kế hoạch đăng ký với Bộ Công Thương. Bộ sẽ xem xét đề nghị xuất khẩu dựa trên cân đối cung - cầu trong nước, đảm bảo không ảnh hưởng đến thị trường.

Theo dự thảo, sau khi điều chỉnh giá bán, thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối xăng dầu phải công bố giá bán buôn, bán lẻ trong hệ thống. Đồng thời, thương nhân phải thông báo cho Bộ Công Thương, UBND cấp tỉnh, sở công thương và cơ quan quản lý thị trường tại địa phương có hệ thống phân phối.

Bộ Công Thương cũng chủ trì hướng dẫn UBND cấp tỉnh thực hiện các biện pháp bình ổn giá xăng dầu theo chủ trương của Chính phủ. Việc xác định nguyên nhân biến động giá và quy trình bình ổn sẽ tuân theo nghị định 85/2024/NĐ-CP và các quy định liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường, Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện bình ổn giá theo quy định.

Bộ Công Thương đề xuất bắt buộc thương nhân đầu mối kết nối dữ liệu về tổng nguồn, tiêu thụ và tồn kho xăng dầu. Thương nhân xin cấp mới Giấy xác nhận phải thực hiện ngay, trong khi thương nhân đã có giấy xác nhận sẽ có 24 tháng để hoàn thành từ khi Nghị định có hiệu lực.

▪ *Đề xuất lập Quy hoạch phát triển điện hạt nhân theo Luật Quy hoạch và Luật Năng lượng Nguyên tử*

Để nguồn điện hạt nhân có thể cạnh tranh với các nguồn điện khác và vận hành giai đoạn 2031-2035, Viện Năng lượng đề xuất sớm lập Quy hoạch phát triển điện hạt nhân theo Luật Quy hoạch và Luật Năng lượng Nguyên tử để cung cấp nguồn điện nền.

Viện Năng lượng (Bộ Công Thương) cho thấy kịch bản tính toán chính với mục tiêu Net Zero năm 2050 định hướng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo; phát triển nguồn điện hạt nhân; lắp đặt CCUS cho nhiệt điện than và khí hiện hữu/đã

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

quy hoạch; chuyển đổi nhiên liệu nhiệt điện: dừng vận hành nhiệt điện sau 30 năm vận hành, xem xét thay thế bằng nguồn khác trên cơ sở tối ưu chi phí, đảm bảo an ninh cung cấp điện và mục tiêu phát thải.

Để đảm bảo cấp điện giai đoạn 2025 - 2030, thông số của Viện Năng lượng cho biết trong giai đoạn ngắn hạn 2025 - 2026, hệ thống điện có dự phòng thấp do đánh giá khối lượng thực hiện của các nguồn năng lượng tái tạo đến hết 2024 chỉ đạt từ 19-42% so với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII giai đoạn đến 2025.

Các nguồn điện từ công nghệ tua bin khí chu trình hỗn hợp (TBKHH) và điện gió ngoài khơi (ĐGNK) theo Kế hoạch dự kiến vận hành cuối giai đoạn 2029 - 2030 hoặc chậm sau 2030, nên việc đảm bảo cấp điện cho hệ thống cho các năm 2026 - 2029 sẽ chủ yếu dựa vào các nguồn có khả năng xây dựng nhanh như: các nguồn thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, pin tích năng và nguồn nhiệt điện linh hoạt. Do đó, cần xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh đồng bộ với Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh để đảm bảo khả năng triển khai các dự án.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết của Quốc hội bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, cao hơn so với kế hoạch trước đó.

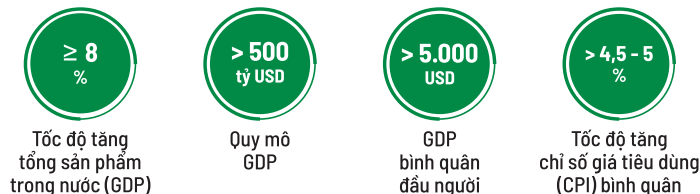
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025

Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, ngày 12/11/2024



Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV, ngày 19/2/2025

Quốc hội thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8% trở lên



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong tháng 2/2025, các tổ chức quốc tế tiếp tục đưa ra những dự báo tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2025, phản ánh niềm tin ngày càng gia tăng vào tiềm năng phục hồi và phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

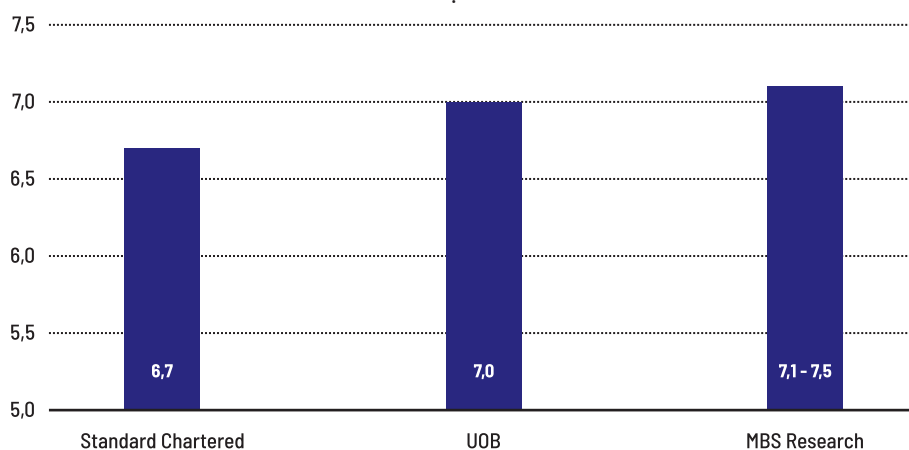
Ngày 20/2, Ngân hàng *Standard Chartered* dự báo GDP Việt Nam sẽ tăng 6,7% trong năm 2025, trong đó nửa đầu năm dự kiến tăng 7,5% và nửa cuối năm đạt 6,1%. Standard Chartered nhấn mạnh sự mở rộng liên tục của hoạt động kinh doanh cùng với dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong cả năm và những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, ngày 25/2, Ngân hàng *United Overseas Bank (UOB)* giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 ở mức 7%, phản ánh kỳ vọng về đà phục hồi mạnh mẽ và ổn định của nền kinh tế.

Ngoài ra, trong tháng qua, tổ chức *MBS Research* cũng đưa ra dự báo lạc quan khi cho rằng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 có thể đạt từ 7,1% - 7,5%, nhờ vào việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và sự khởi sắc trở lại của ngành sản xuất.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NĂM 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz tổng hợp



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Nguồn cung dầu thô toàn cầu trong tháng 2/2025 tương đối dồi dào nhờ sự gia tăng sản lượng từ nhiều khu vực, bất chấp một số gián đoạn cục bộ.

Sản lượng dầu của OPEC đạt mức cao nhất trong vòng một năm, dẫn đầu bởi sự phục hồi mạnh mẽ của Iraq sau sự cố hỏa hoạn tại mỏ dầu lớn nhất nước này. Đặc biệt, Iraq đã nối lại hoạt động xuất khẩu từ khu vực Kurdistan, góp phần đáng kể vào tình trạng dư cung trên thị trường.

Venezuela cũng đẩy mạnh xuất khẩu trước lo ngại các biện pháp trừng phạt mới từ Mỹ, trong khi UAE gia tăng sản lượng để tận dụng nhu cầu đang dịch chuyển từ Nga sang khu vực Trung Đông và châu Phi.

Tại Nga, nguồn cung chịu nhiều sức ép khi Ukraine liên tục tấn công các cơ sở hạ tầng dầu khí, bao gồm trạm bơm thuộc hệ thống đường ống Caspian Pipeline Consortium và một nhà máy lọc dầu lớn. Bên cạnh đó, cảng Novorossiisk ở Biển Đen phải tạm ngừng hoạt động do bão, càng làm gián đoạn dòng chảy dầu thô từ Nga ra thị trường toàn cầu.

Các lệnh trừng phạt ngày càng khắc nghiệt từ phương Tây đối với Nga đã khiến dòng chảy dầu giá rẻ từ Nga sang Trung Quốc và Ấn Độ gặp khó khăn, buộc các nước này phải tìm nguồn thay thế từ Trung Đông và châu Phi.

Tại Mỹ, một đợt lạnh sâu tại Bắc Dakota đã làm giảm sản lượng dầu tới 150.000 thùng/ngày, gây thêm áp lực nguồn cung cục bộ của nước này.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Trong tháng 2/2025, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu tiếp tục ở mức cao, đặc biệt tại khu vực châu Á, khi Trung Quốc và Ấn Độ đẩy mạnh nhập khẩu từ Trung Đông để thay thế nguồn cung từ Nga đang chịu tác động nặng nề bởi các lệnh trừng phạt mới từ Mỹ.

Tại Trung Quốc, các cảng do tư nhân vận hành vẫn lặng lẽ tiếp nhận các lô hàng dầu thô từ Iran và Nga, bất chấp áp lực từ Mỹ, cho thấy nhu cầu dầu thô giá rẻ tại quốc gia này vẫn rất lớn.

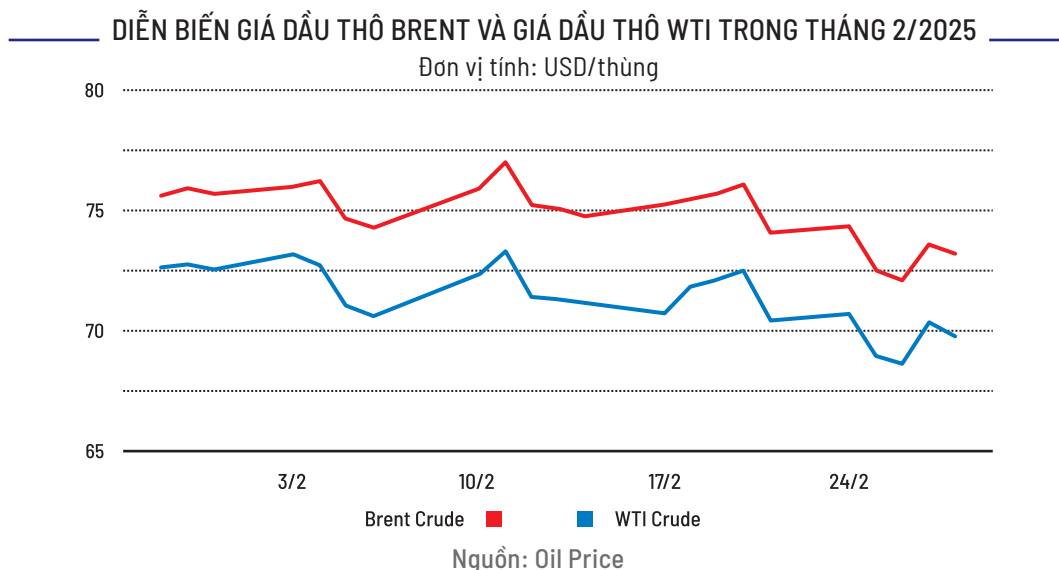
Trong khi đó, các nhà máy lọc dầu Ấn Độ, với mục tiêu duy trì dòng chảy dầu giá rẻ từ Nga, đã phối hợp cùng các thương nhân, công ty vận tải và trung gian để tái cấu trúc chuỗi cung ứng, tìm cách né tránh hoặc thích nghi với các biện pháp trừng phạt ngày càng khắt khe.

Cùng với đó, nhu cầu đối với dầu thô Trung Đông tại thị trường châu Á tăng mạnh, khi không chỉ Trung Quốc và Ấn Độ mà nhiều quốc gia khác trong khu vực cũng tìm kiếm nguồn cung thay thế ổn định trong bối cảnh địa chính trị và thương mại dầu mỏ toàn cầu ngày càng phức tạp.

Tại Cuba, nhu cầu dầu tiếp tục ở mức cao khi nước này vẫn đối mặt với tình trạng khan hiếm nhiên liệu nghiêm trọng. Nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu tiêu dùng và sản xuất nội địa tăng mạnh, buộc chính phủ Cuba phải khẩn trương tìm kiếm thêm nguồn cung từ các đối tác truyền thống như Venezuela, Nga, Mexico...

▪ *Diễn biến giá*

Giá dầu thô thế giới trong tháng qua ghi nhận xu hướng giảm nhẹ, với dầu Brent dao động trong khoảng 72-77 USD/thùng và dầu WTI ở mức 68-73 USD/thùng. Áp lực giảm giá đến từ việc Iraq đẩy mạnh xuất khẩu, cùng với chính sách thuế quan mới của Mỹ làm gia tăng lo ngại về nhu cầu năng lượng toàn cầu. Đồng thời, các lệnh trừng phạt cứng rắn hơn đối với Nga và Iran, kết hợp với bất ổn tại Biển Đỏ, tiếp tục gây gián đoạn chuỗi cung ứng, khiến giá dầu biến động phức tạp. Mặc dù triển vọng hòa bình giữa Nga và Ukraine trong tháng qua phần nào làm dịu tâm lý thị trường, nhưng chưa đủ để đảo ngược xu hướng giảm trong tháng.

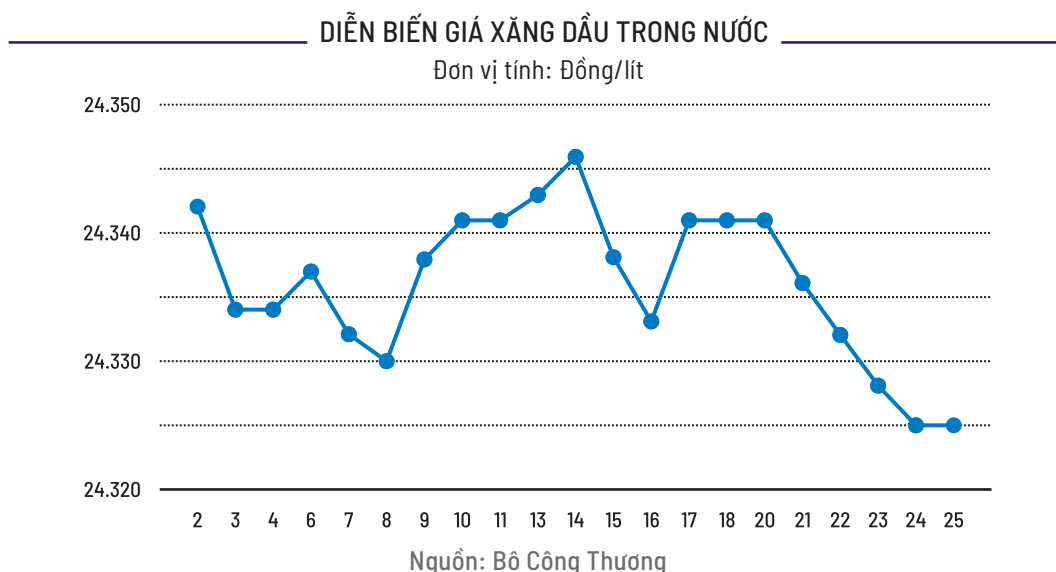


1.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 2/2025, thị trường xăng dầu trong nước chịu tác động từ việc gia tăng nguồn cung nhập khẩu, nhờ các doanh nghiệp đầu mối tích cực ký kết các hợp đồng dài hạn.

Bên cạnh đó, nguồn cung nội địa từ Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn và Bình Sơn tiếp tục duy trì ổn định, góp phần đảm bảo cân đối cung cầu. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí logistics leo thang do căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ, kết hợp với những biến động liên quan đến chính sách thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong nước, đã ảnh hưởng đáng kể đến diễn biến giá bán lẻ xăng dầu.

Trong tháng, giá xăng RON 95 dao động quanh ngưỡng 20.500 - 21.500 đồng/lít, có xu hướng nhích nhẹ và duy trì ở mức cao trong nửa đầu tháng do tác động từ diễn biến giá dầu thô thế giới. Trong khi đó, giá dầu diesel sau khi tăng mạnh vào giữa tháng đã dần hạ nhiệt và ổn định trở lại vào cuối tháng.



Mức chiết khấu bán lẻ xăng dầu trong tháng 2/2025 được ghi nhận dao động trong khoảng 600 - 1.200 đồng/lít, tùy theo chủng loại (xăng hoặc dầu), khu vực kinh doanh và chính sách cụ thể của từng thương nhân đầu mối.

Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 2/2025, giá xăng trong nước đã trải qua tổng cộng 9 kỳ điều chỉnh, bao gồm 3 lần giảm, 4 lần tăng và 2 lần điều chỉnh trái chiều.

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

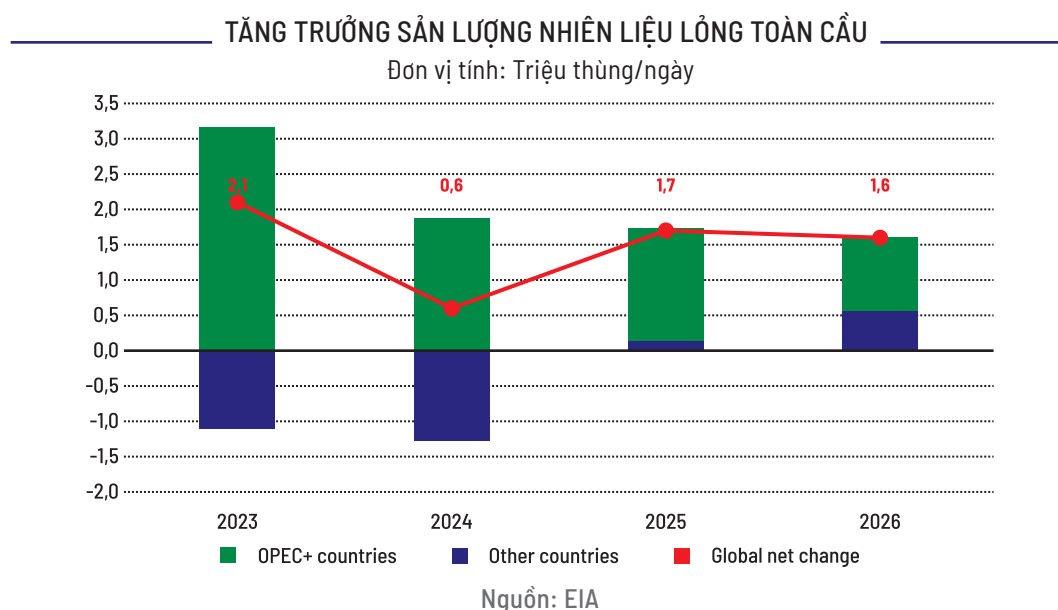
▪ Cung dầu mỏ

Trong tháng qua, các tổ chức quốc tế lớn đã liên tục cập nhật dự báo về bức tranh nguồn cung dầu mỏ toàn cầu năm 2025, trong đó xu hướng chung vẫn là tăng trưởng, chủ yếu nhờ sự đóng góp tích cực từ các quốc gia ngoài Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+). Song song đó, OPEC+ cũng từng bước điều chỉnh chính sách sản lượng thích ứng linh hoạt với diễn biến cung - cầu trên thị trường năng lượng thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh triển vọng nguồn cung dồi dào, các rủi ro địa chính trị vẫn hiện hữu và có thể tạo ra những tác động khó lường. Đặc biệt, các biện pháp trừng phạt mới từ Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ nhằm vào Nga và Iran được dự báo sẽ làm gián đoạn dòng chảy dầu mỏ toàn cầu trong ngắn hạn.

Về phía OPEC+, từ ngày 1/4, khối này sẽ chính thức triển khai kế hoạch tăng sản lượng dầu mỏ, với mục tiêu cân bằng lại nguồn cung theo nhu cầu thực tế của thị trường sau giai đoạn dài duy trì chính sách cắt giảm. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm ổn định giá dầu trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định.

Ngày 11/2, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo nguồn cung dầu mỏ và các sản phẩm lỏng toàn cầu tiếp tục tăng thêm 1,7 triệu thùng/ngày vào năm 2025. Động lực tăng trưởng chính đến từ các quốc gia khu vực châu Mỹ, bao gồm Mỹ, Guyana, Canada và Brazil.



Tiếp đó, ngày 12/2, *Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) dự báo nguồn cung chất lỏng từ các quốc gia ngoài Tuyên bố Hợp tác sẽ tăng 1,0 triệu thùng/ngày trong năm 2025*, giảm nhẹ 0,1 triệu thùng/ngày so với dự báo trước đó.

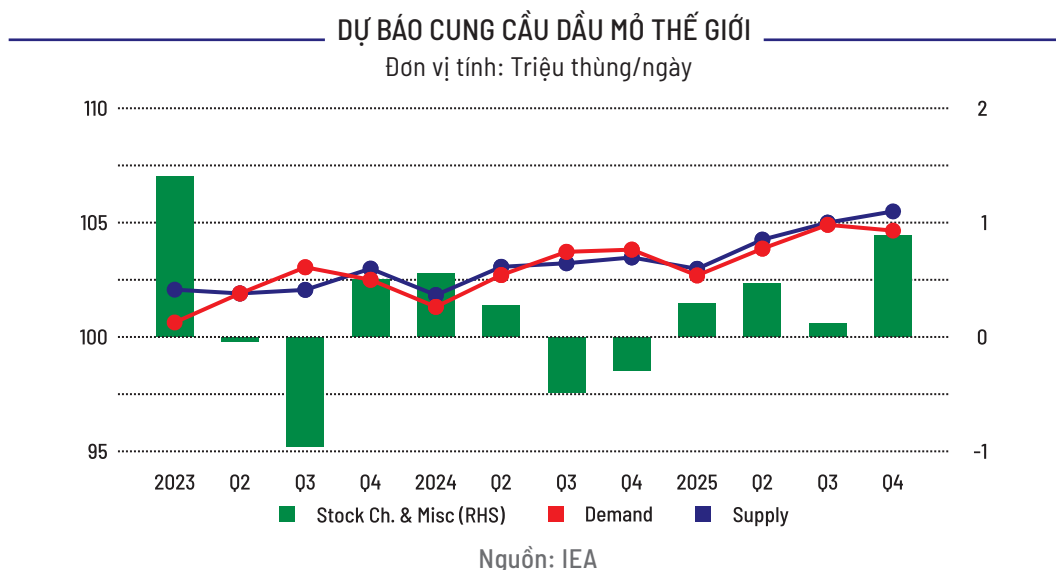
Bên cạnh đó, trong tháng qua, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung dầu toàn cầu sẽ tăng 1,6 triệu thùng/ngày trong năm 2025, nâng tổng nguồn cung lên khoảng 104,5 triệu thùng/ngày*, với phần lớn mức tăng đến từ các nhà sản xuất ngoài OPEC+.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Các biện pháp áp thuế mới của Mỹ đối với Mexico, Canada và Trung Quốc, có hiệu lực từ ngày 4/3, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ lạm phát gia tăng và tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, từ đó tạo thêm áp lực đáng kể lên triển vọng nhu cầu dầu mỏ trong thời gian tới.

Trong bối cảnh đó, ngày 12/2, *Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo nhu cầu dầu mỏ toàn cầu năm 2025 sẽ tăng 1,45 triệu thùng/ngày*, giữ nguyên so với dự báo tháng trước, trong đó nhu cầu tại các nước OECD chỉ tăng khoảng 0,1 triệu thùng/ngày, còn các quốc gia ngoài OECD, đặc biệt là khu vực châu Á, được dự báo tăng tới 1,3 triệu thùng/ngày.

Bên cạnh đó, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng nhu cầu toàn cầu năm nay lên mức 1,1 triệu thùng/ngày, nhích nhẹ so với mức 1,05 triệu thùng/ngày trước đó*. Trung Quốc dù tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn đóng vai trò đầu tàu, với phần lớn nhu cầu mới đến từ ngành hóa dầu. Bên cạnh đó, Ấn Độ cùng các nền kinh tế mới nổi châu Á đang ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong bức tranh tiêu thụ dầu toàn cầu. Trong khi đó, nhu cầu dầu tại các nước OECD được dự báo sẽ quay trở lại xu hướng suy giảm dài hạn, sau khi ghi nhận mức tăng nhẹ trong năm 2024.



▪ Diễn biến giá

Trong bối cảnh tồn kho xăng dầu toàn cầu gia tăng cùng với những sức ép từ các chính sách thương mại và địa chính trị do chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump triển khai, nhiều tổ chức quốc tế đã đưa ra các dự báo thận trọng về giá dầu trong năm 2025. Đặc biệt, Mỹ được cho là đang gây áp lực buộc Iraq khởi động lại đường ống dẫn dầu tới Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời đe dọa áp đặt các lệnh trừng phạt mới với Iran, khiến rủi ro giảm giá dầu tiếp tục gia tăng.

Ngày 5/2, BMI dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 sẽ đạt 76 USD/thùng và duy trì mức trung bình 75 USD/thùng trong giai đoạn 2026-2029.

Đến ngày 11/2, EIA dự báo giá dầu thô Brent trung bình năm 2025 ở mức 74 USD/thùng, trước khi giảm xuống còn 66 USD/thùng vào năm 2026 khi nguồn cung toàn cầu tiếp tục mở rộng.

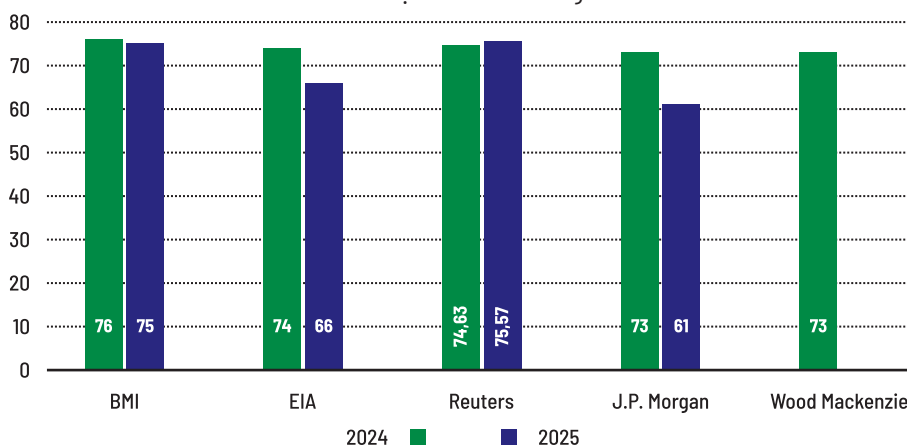
Bên cạnh đó, ngày 28/2, Reuters công bố kết quả khảo sát với 41 nhà kinh tế, theo đó giá dầu Brent trung bình năm 2025 được dự báo ở mức 74,63 USD/thùng, nhỉnh hơn nhẹ so với mức 74,57 USD/thùng được dự báo vào tháng trước.

Đáng chú ý, trong tháng qua, J.P. Morgan tiếp tục giữ nguyên dự báo giá dầu Brent trung bình ở mức 73 USD/thùng trong năm 2025 và giảm còn 61 USD/thùng vào năm 2026.

Ngoài ra, hãng tư vấn năng lượng Wood Mackenzie cũng đưa ra dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 đạt 73 USD/thùng.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Vibiz tổng hợp

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ *Cung dầu mỏ*

Trong thời gian tới, Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu, đặc biệt là các sản phẩm dầu mỏ thành phẩm như xăng và diesel. Tuy nhiên, việc tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng lọc dầu trong nước, đặc biệt là các dự án mở rộng và nâng cấp các nhà máy lọc dầu như Dung Quất và Nghi Sơn, dự kiến sẽ cải thiện khả năng cung ứng xăng dầu nội địa, giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Dự báo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tại Việt Nam có xu hướng phục hồi tích cực nhờ vào sự khởi sắc của các hoạt động sản xuất công nghiệp, logistics và vận tải hành khách. Kinh tế trong nước tiếp tục ghi nhận những tín hiệu lạc quan, tạo động lực thúc đẩy nhu cầu nhiên liệu, đặc biệt là trong lĩnh vực vận chuyển và xây dựng hạ tầng. Tuy vậy, đà tăng trưởng nhu cầu xăng dầu đang chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nguồn năng lượng thay thế, bao gồm khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), điện tái tạo và xe điện. Chính sách thúc đẩy chuyển đổi xanh cùng với các ưu đãi cho phương tiện thân thiện môi trường dự kiến sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng tiêu thụ xăng dầu truyền thống trong dài hạn.

▪ *Diễn biến giá*

Trong thời gian tới, giá bán lẻ xăng dầu tại thị trường Việt Nam tiếp tục chịu tác động từ diễn biến giá dầu thô thế giới và các yếu tố địa chính trị phức tạp. Dự báo giá bán lẻ xăng dầu trong nước có thể duy trì mặt bằng ổn định trong quý I/2025, với biên độ dao động từ 19.000 - 21.000 đồng/lít tùy loại.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí

Trong tháng 2/2025, thị trường khí đốt toàn cầu ghi nhận nhiều biến động do tác động từ các yếu tố địa chính trị và sự cố kỹ thuật tại một số nguồn cung lớn.

Việc Nga chính thức ngừng trung chuyển khí đốt qua Ukraine từ đầu năm 2025 đã làm gián đoạn một tuyến cung cấp quan trọng, buộc các quốc gia châu Âu phải đẩy mạnh tìm kiếm nguồn thay thế. Dù vậy, Nga vẫn duy trì xuất khẩu khí đốt sang châu Âu thông qua đường ống TurkStream và ghi nhận sản lượng vận chuyển qua tuyến này đạt mức kỷ lục mới.

Bên cạnh đó, các mỏ khí lớn tại Trung Đông và Nga vẫn tiếp tục giữ sản lượng ổn định, tuy nhiên xung đột kéo dài tại khu vực Biển Đen tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động vận chuyển, buộc EU phải gia tăng nhập khẩu LNG từ Mỹ và Qatar.

Trên phạm vi toàn cầu, nguồn cung LNG vẫn khá dồi dào nhờ việc Mỹ mở rộng công suất tại các trạm xuất khẩu mới. Tuy nhiên, sự cố kỹ thuật tại một số cơ sở hóa lỏng ở Úc và Nigeria đã gây gián đoạn cục bộ nguồn cung LNG cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tạo ra những áp lực nhất định lên thị trường khu vực.

▪ Cầu khí

Trong tháng qua, nhu cầu khí đốt tại châu Á suy yếu do thời tiết ấm và dự trữ dồi dào, trong khi châu Âu tăng mạnh vì lo ngại nguồn cung và thời tiết lạnh hơn.

Tại Trung Quốc, quốc gia từng dẫn đầu về nhập khẩu LNG, đã tụt xuống vị trí thứ hai sau Nhật Bản, khi hoạt động công nghiệp chững lại và kho dự trữ khí đốt vẫn ở mức cao.

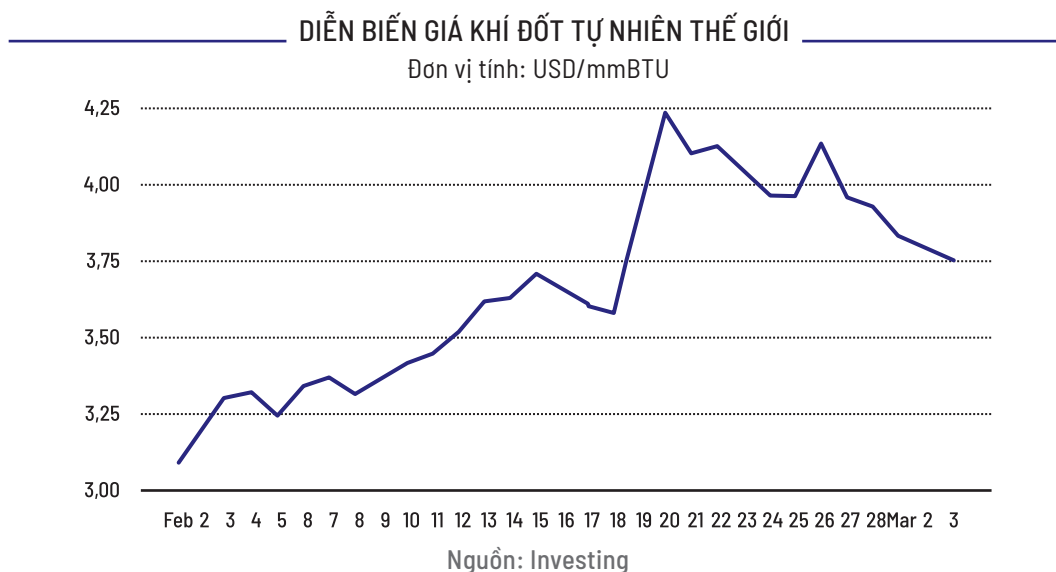
Cùng với đó, nhập khẩu dầu thô của khu vực châu Á khởi đầu khá ảm đạm trong những tháng đầu năm, do Trung Quốc giảm mua và các lệnh trừng phạt mới từ phương Tây tiếp tục siết chặt dòng chảy dầu từ Nga, khiến lượng dầu Nga nhập khẩu vào châu Á sụt giảm liên tục trong 4 tháng qua.

Tại châu Âu, nguồn cung khí đốt tiếp tục chịu sức ép khi Nga dừng hoàn toàn việc vận chuyển khí đốt qua Ukraine từ đầu năm. Để bù đắp, châu Âu đã tăng cường nhập khẩu LNG, ghi nhận mức nhập khẩu kỷ lục trong tháng.

Trong khi đó, tại Ukraine, xung đột đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho hệ thống hạ tầng khí đốt, buộc nước này phải đẩy mạnh nhập khẩu khí. Đáng chú ý, Ukraine đã chuyển sang mua khí đốt của Nga thông qua các công ty trung chuyển tại Slovakia, sau khi Kiev quyết định không gia hạn hợp đồng trung chuyển khí đốt Nga qua lãnh thổ nước mình.

▪ Diễn biến giá

Trong tháng 2/2025, giá khí đốt tự nhiên thế giới tăng mạnh, từ khoảng 3,2 USD/mmBTU đầu tháng lên đỉnh hơn 4,2 USD/mmBTU giữa tháng, rồi giảm nhẹ về 3,75 USD/mmBTU cuối tháng. Nguyên nhân chính do thời tiết lạnh kéo dài, dự trữ khí đốt tại EU đang ở mức thấp, trong khi nguồn cung sụt giảm và năng lượng tái tạo chưa đáp ứng đủ.



2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường khí trong nước vẫn duy trì ổn định tương đối trong tháng 2/2025, tuy nhiên đã ghi nhận mức điều chỉnh tăng nhẹ giá gas so với tháng trước.

Giá gas bán lẻ trong nước tăng thêm 3.000 đồng/bình 12kg, đưa giá bán lẻ lên 448.000 đồng/bình. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc giá gas thế giới tăng 10 USD/tấn, được ấn định ở mức 630 USD/tấn từ ngày 01/02/2025. Đây cũng là đợt tăng giá đầu tiên của thị trường gas trong năm nay, phản ánh rõ tác động từ những biến động trên thị trường năng lượng toàn cầu.

Bên cạnh yếu tố giá cả, nhu cầu tiêu thụ gas trong nước cũng ghi nhận sự phục hồi tích cực, đặc biệt từ các hộ gia đình và khối kinh doanh thương mại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, góp phần gia tăng sức mua trên thị trường.

Ngoài ra, hiện nay, nguồn khí tự nhiên trong nước, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Bộ, đang suy giảm nhanh chóng, khiến Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu LNG. Trong bối cảnh này, nhiều doanh nghiệp đang tích cực đàm phán các hợp đồng dài hạn với đối tác nước ngoài nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định và giảm thiểu rủi ro từ biến động giá trên thị trường thế giới.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí*

Dự báo nguồn cung khí toàn cầu giai đoạn 2025 - 2030 có nhiều biến động với xu hướng tăng trưởng mạnh nhờ sự gia tăng công suất hóa lỏng từ Bắc Mỹ và Qatar.

Theo *J.P. Morgan Research*, công suất cung cấp LNG toàn cầu sẽ tăng thêm khoảng 350 tỷ mét khối vào năm 2030, tương đương mức tăng khoảng 54% so với năm 2024. Đây được xem là bước tiến quan trọng khi LNG được coi là nhiên liệu chuyển tiếp, đóng vai trò thiết yếu trong quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu.

Đặc biệt, từ năm 2026 trở đi, nhiều dự án LNG mới sẽ đi vào hoạt động, góp phần cải thiện đáng kể nguồn cung, giúp thị trường châu Âu giảm bớt áp lực thiếu hụt trong bối cảnh nguồn cung khí đốt qua đường ống từ Nga tiếp tục gián đoạn.

Bên cạnh đó, động thái nới lỏng các quy định về xuất khẩu LNG của Mỹ, cùng với việc Bộ Năng lượng Mỹ cho phép linh hoạt hơn trong hoạt động chuyển LNG giữa các tàu, sẽ tạo thuận lợi cho chuỗi cung ứng LNG toàn cầu.

Tuy nhiên, thị trường cũng tiềm ẩn những bất ổn, đặc biệt sau khi Trung Quốc áp thuế bổ sung 15% đối với LNG của Mỹ, buộc các nhà nhập khẩu Trung Quốc phải xem xét bán lại LNG thay vì đưa về tiêu thụ trong nước, làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các khu vực nhập khẩu lớn như châu Á và châu Âu trong dài hạn.

▪ *Cầu khí*

Dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu trong giai đoạn tới tiếp tục xu hướng tăng mạnh khi thế giới đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang các nguồn nhiên liệu sạch hơn, trong đó khí tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) đóng vai trò quan trọng.

Nhu cầu LNG toàn cầu được dự báo sẽ tăng khoảng 60% vào năm 2040, chủ yếu nhờ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ tại châu Á, sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo (AI) kéo theo nhu cầu năng lượng gia tăng, cùng với các nỗ lực cắt giảm khí thải trong các ngành công nghiệp nặng và giao thông vận tải.

Bên cạnh đó, LNG sẽ ngày càng được sử dụng rộng rãi trong sản xuất điện, sưởi ấm, làm mát cũng như phục vụ các nhu cầu công nghiệp và vận tải nhằm đáp ứng mục tiêu phi carbon hóa và phát triển bền vững. Triển vọng tích cực này cho thấy nhu cầu khí đốt toàn cầu không chỉ gia tăng về quy mô mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực mới, tạo áp lực lớn đối với nguồn cung và đòi hỏi sự phát triển đồng bộ của hạ tầng nhập khẩu, phân phối tại các thị trường tiêu thụ trọng điểm.

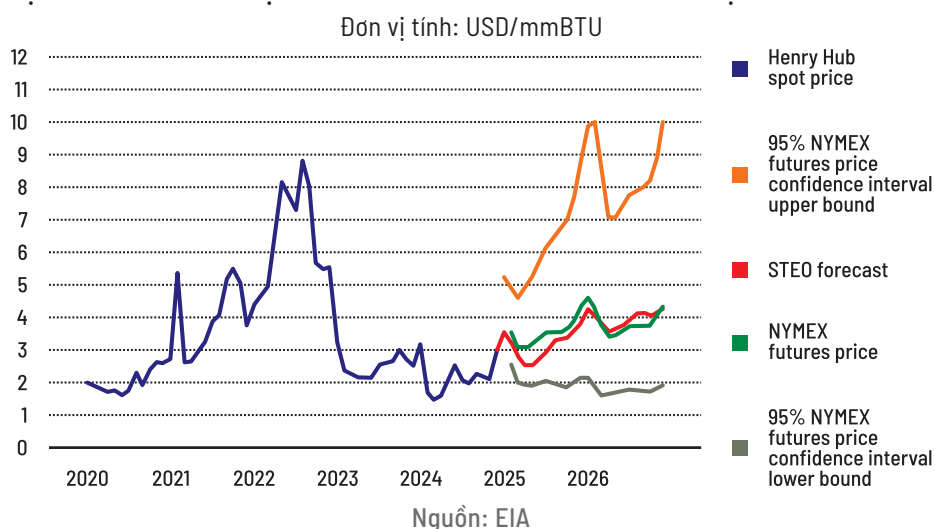
▪ Diễn biến giá

Dự báo giá khí đốt tự nhiên giao ngay tại Henry Hub trong giai đoạn 2025 - 2026 có xu hướng tăng do tác động của các yếu tố địa chính trị và diễn biến cung - cầu toàn cầu.

Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), giá khí giao ngay trung bình năm 2025 được dự báo ở mức gần 3,80 USD/MMBtu. Đà tăng này được kỳ vọng tiếp tục kéo dài sang năm 2026, với mức giá trung bình ước tính đạt khoảng 4,20 USD/MMBtu. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu tăng cao tại châu Âu do lo ngại thiếu hụt nguồn cung trong mùa đông, đặc biệt sau khi nguồn khí đốt từ Nga sụt giảm nghiêm trọng.

Để đảm bảo dự trữ khí đốt, châu Âu sẽ gia tăng nhập khẩu từ thị trường LNG toàn cầu, tạo ra áp lực cạnh tranh trực tiếp với các thị trường châu Á. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt này, cùng với những bất ổn về địa chính trị và thời tiết, khiến triển vọng giá khí đốt Henry Hub duy trì ở mức cao trong ít nhất hai năm tới.

— DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2026 —



2.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường khí Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi khi nguồn cung khí nội địa suy giảm do trữ lượng các mỏ lớn cạn kiệt sau thời gian dài khai thác. Trong khi đó, nhu cầu khí cho phát điện, công nghiệp và dân sinh tiếp tục tăng cao, đặc biệt khi Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng.

Trước áp lực nguồn cung trong nước, LNG nhập khẩu ngày càng giữ vai trò quan trọng, với sự tham gia của các dự án điện khí lớn như Nhơn Trạch 3, 4, Bạc Liêu và Quảng Ninh, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái LNG và thu hút đầu tư quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào LNG nhập khẩu, trong bối cảnh giá thế giới biến động khó lường.

Dự kiến từ sau năm 2027, khi các dự án hạ tầng khí LNG trọng điểm hoàn thiện và thị trường LNG toàn cầu bước vào giai đoạn cân bằng hơn, nguồn cung LNG cho Việt Nam sẽ trở nên ổn định hơn, giúp giảm áp lực chi phí và đảm bảo an ninh năng lượng trong dài hạn.

Bên cạnh đó, với sự phát triển của các dự án kho cảng LNG quy mô lớn như Cái Mép, Thị Vải và Sơn Mỹ, Việt Nam đang dần hình thành mạng lưới cơ sở hạ tầng khí LNG đồng bộ, tạo tiền đề để trở thành trung tâm phân phối LNG tại khu vực Đông Nam Á trong tương lai.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón thế giới tháng 2/2025 chịu tác động đan xen của nhiều yếu tố: cung - cầu không đồng đều giữa các khu vực, biến động chính sách thuế quan của EU, sự điều tiết nguồn cung từ Trung Quốc và gián đoạn sản xuất tại một số quốc gia chủ chốt.

▪ *Cung phân bón*

Nguồn cung ure từ Trung Đông đã được cải thiện, góp phần giảm bớt áp lực thiếu hụt trên thị trường, đặc biệt sau khi Ấn Độ hoàn tất đấu thầu đảm bảo 1,3 triệu tấn, tạm thời làm dịu hoạt động thị trường giao ngay.

Tuy nhiên, tại châu Âu, tình trạng gián đoạn nguồn cung vẫn tiếp diễn do nhà máy SKW Piesteritz (Đức) cắt giảm sản lượng, trong khi kế hoạch áp thuế đối với phân bón từ Nga và Belarus của EU tiếp tục gây tâm lý lo ngại.

Bên cạnh đó, Trung Quốc duy trì chính sách kiểm soát xuất khẩu phân bón nghiêm ngặt, tiếp tục làm hạn chế dòng chảy hàng hóa ra thị trường toàn cầu.

Đặc biệt, trong tháng qua, công suất một số nhà máy sản xuất phân bón tại Ai Cập phải cắt giảm xuống 70-80% do thiếu hụt khí đốt, làm gián đoạn nguồn cung cục bộ.

▪ *Cầu phân bón*

Nhu cầu nhập khẩu ure vẫn duy trì ở mức cao tại các thị trường lớn như Australia, Đông Nam Á, Mexico và khu vực Trung Mỹ, kéo theo giá chào bán từ các nhà cung cấp Iran, Ai Cập tăng mạnh.

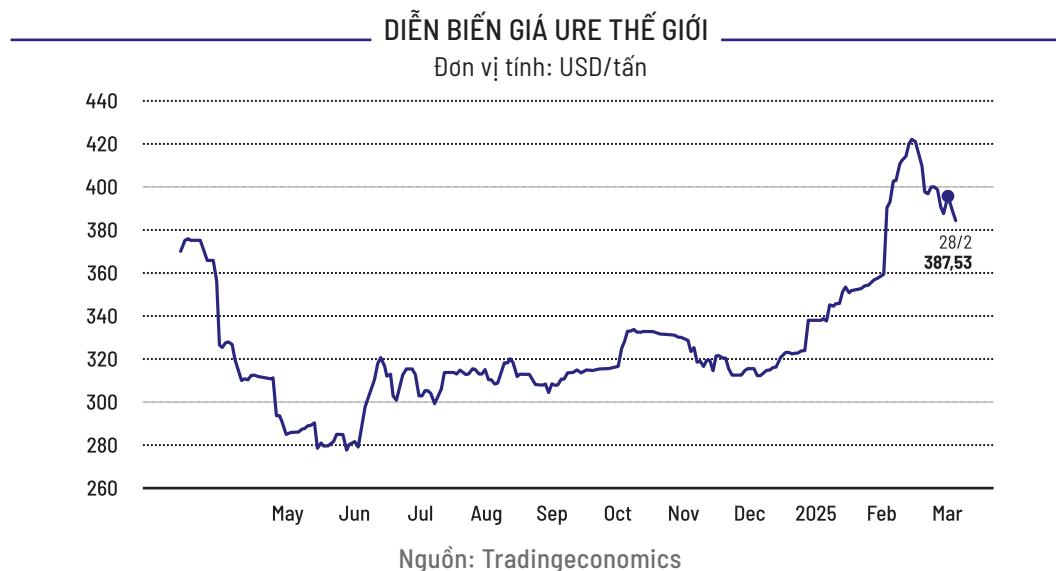
Tại các thị trường châu Á như Trung Quốc và Đông Nam Á, giao dịch trầm lắng do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhu cầu nội địa yếu, một số nhà cung cấp châu Âu cũng bắt đầu chuyển hướng chào bán sang thị trường Mỹ để tìm kiếm đầu ra.

▪ *Diễn biến giá*

Trong tháng 2/2025, giá ure thế giới ghi nhận xu hướng giảm sau khi đạt đỉnh vào ngày 12/2, mức cao nhất trong vòng 17 tháng. Tính đến ngày 28/2, giá ure đã lùi về mức 387,53 USD/tấn, chính thức rơi xuống dưới ngưỡng 400 USD/tấn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm mạnh của giá khí đốt tự nhiên tại châu Âu, vốn là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong sản xuất ure. Cụ thể, giá khí đốt tại châu Âu đã giảm gần 20% so với mức cao kỷ lục trong hai năm (59 Euro/MWh vào ngày

10/2), do lo ngại về việc rút khí khỏi kho dự trữ nhanh chóng đã được xoa dịu. Sự điều chỉnh này của giá khí đốt đã làm giảm áp lực chi phí sản xuất, kéo theo xu hướng giảm của giá ure trong giai đoạn cuối tháng.



3.1.2. Thị trường trong nước

Cung phân bón

Trong tháng 2/2025, nguồn cung phân bón tại Việt Nam nhìn chung vẫn đảm bảo nhờ hoạt động sản xuất ổn định tại các nhà máy lớn như Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC), Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình và Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Tổng sản lượng ure sản xuất trong tháng qua ước đạt khoảng 225 nghìn tấn, tương đương với tháng trước do các nhà máy chưa có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ.

Đối với phân DAP, nguồn cung trong nước gặp khó khăn do không có nguồn hàng nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam, dẫn đến tình trạng khan hiếm cục bộ.

Nguồn cung giao ngay đối với một số loại phân bón như ure và SA cũng có dấu hiệu thắt chặt, do các nhà máy ưu tiên đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu đã ký trước Tết Nguyên Đán. Dự kiến xuất khẩu ure trong tháng đạt khoảng 70 nghìn tấn, giảm nhẹ so với tháng trước nhưng vẫn duy trì ở mức cao.

▪ Cầu phân bón

Nhu cầu phân bón nội địa ghi nhận sự phân hóa giữa các vùng miền theo tiến độ mùa vụ.

Tại Đồng bằng sông Cửu Long, hầu hết diện tích lúa Đông Xuân đã hoàn thành gieo sạ và chăm bón, lượng phân ure sử dụng đã đạt 90% tổng nhu cầu cả vụ.

Miền Trung và Nam Trung Bộ đã cơ bản hoàn thành hai đợt bón chính cho lúa, nhu cầu trong tháng chủ yếu tập trung cho đợt bón thứ ba.

Trong khi đó, tại miền Bắc, nhu cầu phân bón tăng mạnh do các tỉnh đang bước vào giai đoạn gieo cấy và chăm bón.

Đối với khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, do chưa vào cao điểm mùa mưa nên nhu cầu phân bón, đặc biệt là ure dùng làm nguyên liệu sản xuất NPK, vẫn ở mức thấp.

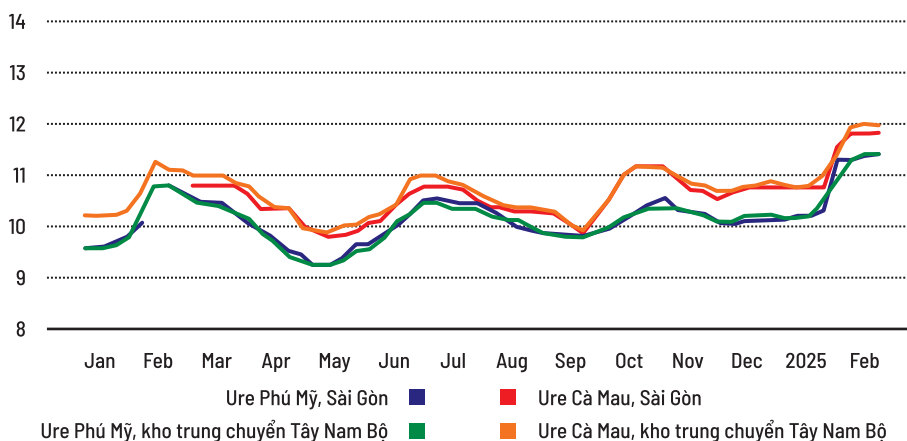
Tổng nhu cầu ure nội địa trong tháng 2 ước đạt khoảng 100 nghìn tấn, giảm 60 nghìn tấn so với tháng trước, trong khi lượng tồn kho ure tại các nhà máy dự kiến tăng nhẹ lên mức 411 nghìn tấn.

▪ Diễn biến giá

Giá phân bón tại thị trường Việt Nam ghi nhận xu hướng tăng nhẹ, đặc biệt là đối với ure và DAP. Giá ure nội địa tăng liên tục từ đầu tháng, với mức tăng mạnh nhất ghi nhận ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán do tác động từ giá thế giới và nguồn cung giao ngay thắt chặt. Trong tuần giữa tháng, đà tăng giá ure có dấu hiệu chậm lại do nhu cầu tại một số khu vực không quá cao.

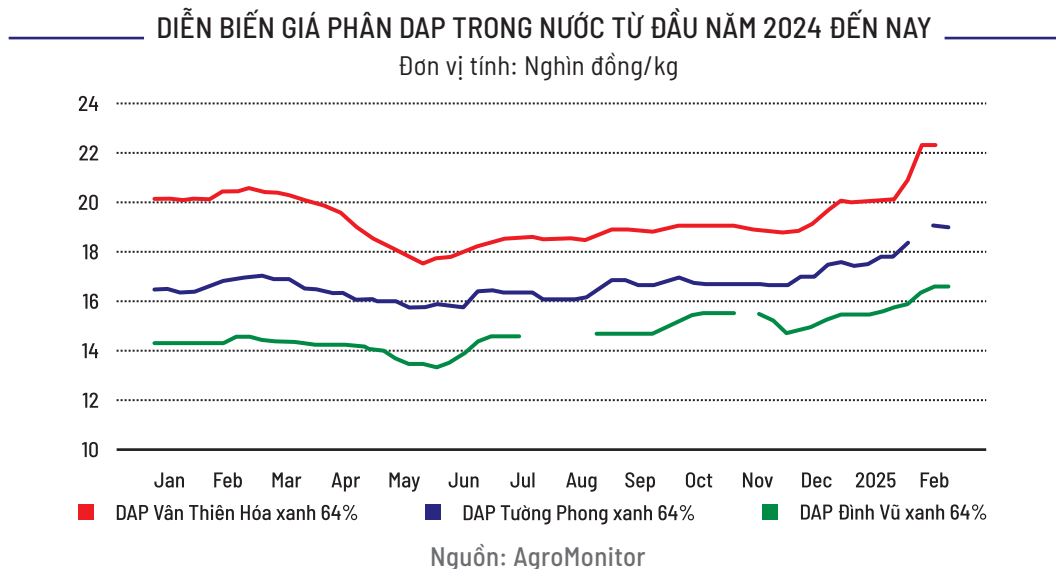
DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM 2024 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

Trong khi đó, giá DAP tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm từ Trung Quốc, khiến nhiều thương nhân tạm ngừng chào giá hoặc chỉ chào với mức giá rất cao.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá phân bón toàn cầu trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào như khí tự nhiên, lưu huỳnh và amoniac, những thành phần cốt lõi trong sản xuất phân bón.

Giá khí tự nhiên trên thế giới vẫn neo ở mức cao do nhu cầu lớn từ khu vực châu Âu khi các quốc gia tiếp tục tăng cường tích trữ để đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh địa chính trị phức tạp. Bên cạnh đó, chính sách thuế quan và các biện pháp hạn chế xuất khẩu phân bón từ Mỹ cũng tác động không nhỏ tới nguồn cung toàn cầu, khiến giá cả tiếp tục leo thang.

Tại khu vực Đông Nam Á, nguồn cung ure sẵn có vẫn trong tình trạng hạn chế khi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Malaysia (Petronas) không thực hiện chào bán giao ngay, còn các nhà sản xuất tại Malaysia và Brunei chỉ nhận đơn hàng cho các lô giao từ tháng 3/2025 trở đi.

Ở Trung Đông, nguồn cung càng thêm khan hiếm khi hầu hết các nhà máy tại Iran vẫn đang ngừng hoạt động do khó khăn về kỹ thuật và lệnh trừng phạt, chỉ còn một dây chuyền duy nhất của Công ty Pardis (công suất 1,07 triệu tấn/năm) vận hành nhưng chủ yếu phục vụ thị trường nội địa.

Những yếu tố trên, kết hợp với xu hướng gia tăng nhu cầu phân bón từ các thị trường trọng điểm như Ấn Độ và châu Mỹ, được dự báo sẽ tiếp tục đẩy giá ure và các loại phân bón khác trên toàn cầu tăng cao trong thời gian tới.

3.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón Việt Nam trong năm 2025 dự báo sẽ tiếp tục có nhiều biến động khi vừa phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, vừa đứng trước những cơ hội mới từ bối cảnh thị trường toàn cầu.

Việc Trung Quốc tiếp tục siết chặt xuất khẩu phân bón ure mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng trong khu vực như Hàn Quốc, Philippines ... giúp cải thiện đầu ra cho ngành.

Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh vẫn rất gay gắt khi các doanh nghiệp nước ngoài với lợi thế công nghệ hiện đại và chi phí sản xuất thấp không ngừng gia tăng sự hiện diện tại thị trường Việt Nam. Cùng với đó, giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là giá khí đốt và các loại khoáng chất, dự kiến tiếp tục biến động khó lường, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và biên lợi nhuận của doanh nghiệp nội địa.

Bên cạnh bài toán chi phí, các doanh nghiệp phân bón trong nước cũng phải đối mặt với thách thức về nguồn vốn khi thực hiện chuyển đổi xanh. Đầu tư vào công nghệ mới và phát triển các dòng sản phẩm phân bón hữu cơ, sinh học đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi từ ngân hàng và tổ chức tài chính còn hạn chế.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu trong tháng qua tiếp tục chứng kiến nhiều biến động phức tạp, đặc biệt tại khu vực châu Âu và một số quốc gia đang phát triển.

Tại châu Âu, giá điện vẫn duy trì ở mức cao do tác động kéo dài từ việc mất nguồn cung khí đốt giá rẻ từ Nga. Đáng chú ý, ba nước vùng Baltic đã chính thức ngắt kết nối với lưới điện BRELL của Nga và chuyển sang vận hành trong hệ thống điện thống nhất của châu Âu thông qua kết nối với Ba Lan. Quá trình chuyển đổi này, dù mang ý nghĩa chiến lược về an ninh năng lượng, nhưng cũng làm gia tăng áp lực lên hệ thống điện khu vực, dẫn đến sự biến động mạnh về giá điện tại Latvia, với mức dao động từ 63 Euro/MWh lên tới 154 Euro/MWh chỉ trong vài ngày đầu tháng.

Tại Ukraine, tình hình càng trở nên căng thẳng khi nước này buộc phải áp đặt các biện pháp cắt điện khẩn cấp cho các doanh nghiệp công nghiệp từ ngày 11/2 do cơ sở hạ tầng năng lượng và khí đốt liên tục bị hư hại bởi xung đột. Các hộ gia đình tạm thời chưa bị ảnh hưởng trực tiếp, song lịch cắt điện luân phiên vẫn được duy trì để ổn định hệ thống.

Tại châu Á, nhu cầu điện của Trung Quốc phục hồi mạnh mẽ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, đặc biệt từ các ngành công nghiệp nặng, tạo áp lực lên nguồn cung điện tại một số tỉnh thành.

Tại Nhật Bản và Hàn Quốc, giá điện bán buôn tăng nhẹ do giá LNG nhập khẩu duy trì ở mức cao, trong khi thời tiết lạnh hơn trung bình cũng làm gia tăng nhu cầu sưởi ấm.

Ngoài ra, một số quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan và Philippines tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng tái tạo để giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến truyền tải và ổn định lưới điện vẫn là thách thức lớn, đặc biệt khi tỷ trọng năng lượng tái tạo ngày càng tăng.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng qua, thị trường điện Việt Nam tiếp tục ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý khi nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và thời tiết lạnh kéo dài tại các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Hồng.

Bên cạnh đó, giá bán lẻ điện đã được điều chỉnh nhằm phản ánh chính xác hơn chi phí sản xuất và áp lực cung cầu trong giai đoạn cao điểm.

Ngày 4/2, Thủ tướng Chính phủ đã đặt mục tiêu đưa hai nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2 hoàn thành trước ngày 31/12/2030. Theo đó, EVN được giao làm chủ đầu tư dự án Ninh Thuận 1, Petrovietnam đảm nhận vai trò chủ

đầu tư dự án Ninh Thuận 2. Việc tái khởi động và thúc đẩy nhanh các dự án điện hạt nhân được đánh giá là bước đi chiến lược nhằm đảm bảo an ninh năng lượng dài hạn, đồng thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng tăng cao trong giai đoạn tới.

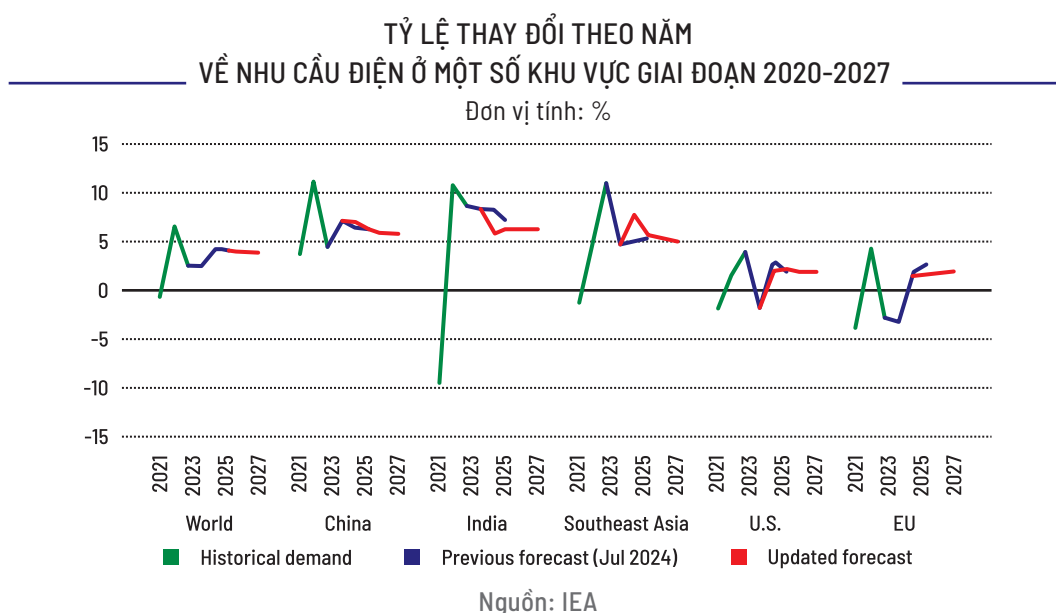
Đặc biệt, ngày 5/2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - dự án điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam - đã chính thức hòa lưới quốc gia, với công suất ban đầu đạt 50MW. Sự kiện này đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng, giảm dần sự phụ thuộc vào các nhiên liệu hóa thạch truyền thống. Theo kế hoạch, sau khi hoàn tất các yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm vận hành, nhà máy sẽ chính thức phát điện thương mại từ tháng 7/2025, góp phần tăng cường nguồn cung linh hoạt và thân thiện với môi trường cho hệ thống điện Việt Nam.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Ngày 14/2, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo trong giai đoạn 2024-2027, nhu cầu tiêu thụ điện toàn cầu sẽ tăng trưởng với tốc độ gần 4% mỗi năm, mức tăng nhanh nhất trong những năm gần đây, tương đương lượng điện tiêu thụ hàng năm của Nhật Bản.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu đến từ quá trình điện hóa các ngành kinh tế, đặc biệt là sản xuất công nghiệp, điều hòa không khí, giao thông vận tải và sự bùng nổ của các trung tâm dữ liệu. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, dẫn đầu bởi Trung Quốc, sẽ đóng góp tới 85% mức tăng nhu cầu điện toàn cầu, với mức tăng trưởng điện của Trung Quốc dự kiến khoảng 6%/năm đến năm 2027.



Đáng chú ý, sự phát triển mạnh mẽ của năng lượng tái tạo và điện hạt nhân sẽ đủ đáp ứng toàn bộ nhu cầu điện tăng thêm trong giai đoạn này, trong đó riêng điện mặt trời có thể đóng góp tới 50% mức tăng nhu cầu nhờ chi phí giảm sâu và chính sách hỗ trợ tích cực. Điện mặt trời dự kiến sẽ chiếm hơn 10% tổng sản lượng điện tại Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ vào năm 2027. Cùng với đó, điện hạt nhân đang quay trở lại mạnh mẽ với sản lượng đạt kỷ lục mới giai đoạn 2025-2027.

Dù vậy, IEA cũng cảnh báo các thách thức lớn về đảm bảo an ninh năng lượng, giá điện hợp lý và phát triển bền vững khi hệ thống điện toàn cầu ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào yếu tố thời tiết và đối mặt với tình trạng giá điện âm tại một số thị trường châu Âu do thiếu linh hoạt trong vận hành hệ thống. Nhờ sự dịch chuyển mạnh mẽ sang các nguồn phát thải thấp, lượng khí thải carbon từ sản xuất điện toàn cầu dự kiến sẽ ổn định trong những năm tới, bất chấp nhu cầu điện tăng cao.

4.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo giai đoạn 2025 - 2050 cho thấy nhu cầu tiêu thụ điện năng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, gắn liền với mục tiêu tăng trưởng GDP cao, khoảng 8% trong năm 2025 và hướng tới mức tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030.

Để đảm bảo nguồn cung điện ổn định, an toàn và kinh tế, hệ thống điện Việt Nam sẽ cần phải đa dạng hóa nguồn phát, kết hợp giữa điện than, điện khí, năng lượng tái tạo và đặc biệt là điện hạt nhân.

Theo định hướng Quy hoạch Điện VIII cập nhật, từ năm 2030 trở đi, các nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1&2 với tổng công suất khoảng 6.000 - 6.400 MW sẽ đóng vai trò nguồn điện nền quan trọng, bổ sung năng lượng sạch và ổn định cho hệ thống. Đến năm 2050, điện hạt nhân sẽ được mở rộng thêm khoảng 4,5 - 5 GW tại miền Bắc và 0 - 3 GW tại miền Trung, trong đó có cả các nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ (SMR), giúp nâng cao tính linh hoạt và phân tán nguồn cung.

Song song đó, các dự án điện khí quy mô lớn như Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và 4 với tổng vốn đầu tư 1,4 tỷ USD, cung cấp khoảng 9 tỷ kWh/năm sẽ bổ sung đáng kể công suất cho hệ thống ngay từ năm 2025, góp phần giảm áp lực cho các nguồn năng lượng truyền thống.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 2/2025 nhiều biến động đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Petrovietnam cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Nghiên cứu triển khai trung tâm dữ liệu số hóa tập trung, đồng bộ dữ liệu toàn Tập đoàn phục vụ cho quản trị chiến lược và phân tích dự báo. Đồng thời, thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống an ninh mạng, nâng cao nhận thức về an ninh thông tin cho toàn bộ cán bộ, nhân viên.*
- *Chủ động tham gia, đóng góp sáng kiến tại các diễn đàn năng lượng khu vực và trên toàn cầu, nhằm khẳng định vị thế doanh nghiệp năng lượng quốc gia và mở rộng cơ hội hợp tác công nghệ, vốn và thị trường.*
- *Đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng. Việc đa dạng hóa sản phẩm giúp mở rộng thị trường, tối ưu chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.*
- *Xây dựng tài liệu mở về danh mục các dự án trọng điểm, nêu rõ quy mô, tiến độ và cơ chế hợp tác. Tài liệu này nên công bố rộng rãi bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh nhằm gia tăng cơ hội tiếp cận đến các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cần cập nhật thường xuyên để phản ánh đúng tiến độ và điều chỉnh kịp thời theo tình hình thực tế.*
- *Tiếp tục đầu tư vào các giải pháp số hóa và trí tuệ nhân tạo để giám sát từ xa các công trình dầu khí. Điều này vừa tối ưu nhân sự, vừa giúp phát hiện sớm các rủi ro kỹ thuật, đảm bảo an toàn vận hành, đi kèm với xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và cơ chế xử lý sự cố tự động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý vận hành.*
- *Phát triển hệ sinh thái truyền thông số đồng bộ, bao gồm website, fanpage, YouTube, TikTok, podcast... Nội dung truyền thông cần đa dạng, sáng tạo, gắn với câu chuyện của thương hiệu, giúp tăng cường kết nối với công chúng và nâng cao uy tín thương hiệu. Ngoài ra, tăng cường tận dụng dữ liệu số và công nghệ phân tích hành vi để cá nhân hóa thông điệp, gia tăng hiệu quả truyền thông.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 3/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 2 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 2 năm 2025	2 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	97,8	117,2	107,2	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	10.100	49.800	95,1	134,4	119,3	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	7.100		30,9	132,1		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	67.000	-	-	106,9	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	3.554	-	6,7	69,1	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	2.971	-	85,1	62,0	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.737	-	85,9	144,4	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội (Nghìn tỷ)							
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	37,9	73,2	-	136,5	121,7	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	6,90	-	-	135,5	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	2,95	-	-	105,4	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (Nghìn tỷ)							
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	561,7	1.137,5	97,5	109,4	109,4	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (Tỷ USD)							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	31,11	64,27	93,8	125,7	108,4	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	32,66	62,80	108,4	104,0	115,9	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	-	Xuất siêu 1,47	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,34	102,91	103,27	101,32
7.2	Chỉ số giá vàng				104,72	132,57	130,84	105,80
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				99,94	103,52	103,75	100,15
7.4	Lạm phát cơ bản				100,30	102,87	102,97	-

A: Tháng 2/2025 so với tháng 1/2025

B: Tháng 2/2025 so với tháng 2/2024

C: Bình quân 2 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ

D: Tháng 2/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Căng thẳng thương mại leo thang do các chính sách thuế quan cứng rắn từ chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump.

 Seekingalpha



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện